



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CHUNG 3

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	4
Điểm nhấn hoạt động năm 2023	6
Thông tin Doanh nghiệp	8
Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi	9
Lịch sử phát triển	10
Lĩnh vực hoạt động	11
Mạng lưới hoạt động	12
Giải thưởng	13
Sơ đồ tổ chức	14
Nhân sự chủ chốt	15

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2023 20

Môi trường kinh doanh	21
Hoạt động quản trị rủi ro	22
Kết quả hoạt động kinh doanh 2023	25

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 26

Hội đồng Quản trị	27
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	32
Báo cáo của Ban Kiểm soát	36
Báo cáo của Ban Điều hành	39
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	45

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 47

Tổng quan	48
Các chỉ số phát triển bền vững	50
Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan	52
Cơ chế tiếp nhận ý kiến và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan	54
Đánh giá các vấn đề trọng yếu	59
Định hướng phát triển bền vững	66

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 69



GIỚI THIỆU CHUNG

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“Với phương châm hành động “Tăng tốc số - Hấp dẫn khách hàng - Hiệp lực tập đoàn - An toàn bền vững” và phấn đấu tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh, MBS dự kiến lợi nhuận trước thuế đạt 930 tỷ đồng và ROE tối thiểu 13.8%”.

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác và CBNV MBS!

Năm 2023 là năm đầy biến động của thị trường chứng khoán, tình hình kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục có nhiều khó khăn ảnh hưởng phần nào đến kết quả kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên, MBS đã xác định hướng đi đúng đắn tập trung chuyển đổi số nhanh và ưu tiên đầu tư cho công nghệ, tạo ra các sản phẩm dịch vụ mới và nâng cao trải nghiệm khách hàng đã giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tích cực.

Kết quả năm 2023, doanh thu MBS đạt 1.826 tỷ đồng, bằng 92% cùng kỳ 2022. Lợi nhuận trước thuế đạt 716 tỷ đồng, bằng 108% cùng kỳ 2022 và cao thứ 2 trong lịch sử phát triển của Công ty (chỉ thấp hơn thời điểm năm 2021 khi thị trường chứng khoán bùng nổ); Thị phần môi giới đạt TOP 7 trên sàn HSX – tăng 1 bậc so với năm 2022 và duy trì TOP 5 thị phần trên sàn HNX. Hoạt động kinh doanh số chuyển dịch mạnh, thành công phát triển các sản phẩm mới, nền tảng giao dịch luôn đảm bảo an toàn, tin cậy và được các nhà đầu tư trên thị trường đánh giá cao. MBS vinh dự là Công ty chứng khoán đầu tiên và duy nhất được xếp hạng 5 sao Giải thưởng Sao Khuê về giải pháp xuất sắc ngành phần mềm (ứng dụng giao dịch chứng khoán MBS Mobile app) và Giải thưởng “Nền tảng giao dịch online sáng tạo nhất Việt Nam năm 2023” trong lĩnh vực tài chính do tổ chức The Global Economics trao tặng

Hoạt động quản trị và điều hành của Công ty đạt được nhiều kết quả nổi bật, cụ thể: (1) MBS tiếp tục triển khai các sáng kiến chiến lược trong giai đoạn 2022-2026; (2) Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 3.805 tỷ đồng lên 4.376 tỷ đồng thông

qua trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu; (3) Sắp xếp lại một số chi nhánh nhằm tối ưu hoạt động và chi phí vận hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với định hướng chiến lược; (4) Đầu tư công nghệ mạnh mẽ và thúc đẩy hoạt động Kinh doanh số để tăng trải nghiệm khách hàng; (5) Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay, điều chỉnh kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty.

Đạt được kết quả khả quan đó, bên cạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Hội đồng quản trị MBS, phải kể đến sự định hướng và hỗ trợ từ phía Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty và sự đồng hành, tin tưởng của các cổ đông và khách hàng. Kết quả này cũng khẳng định được định hướng chiến lược đề ra là hoàn toàn đúng đắn và sẽ là tiền đề quan trọng cho MBS phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Bước sang năm 2024, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, MBS đang triển khai miễn phí giao dịch cổ phiếu cho khách hàng mở mới tài khoản giao dịch trên kênh online. Bên cạnh đó, MBS sẽ tận dụng nguồn vốn để đem đến cho nhà đầu tư thêm nhiều ưu đãi như linh hoạt lựa chọn các gói vay margin lãi suất thấp, tư vấn pro advice miễn phí từ chuyên gia và nhiều sản phẩm khác.

MBS không chỉ là một tổ chức tài chính, mà còn là đối tác đáng tin cậy, người đồng hành trên con đường chuyển đổi số. Chúng tôi cam kết không ngừng phát triển và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ thông minh nhất để hỗ trợ quý khách hàng vượt qua mọi thách thức và tận dụng mọi cơ hội đầu tư.

Trong năm 2024, MBS tiếp tục thực hiện phương châm hành động: “Tăng tốc số - Hấp dẫn khách hàng – Hiệp lực tập đoàn – An toàn bền vững” và phấn đấu tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh với kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 930 tỷ đồng và ROE tối thiểu 13,8%: (1) Đẩy mạnh

chuyển đổi số hoạt động môi giới nhằm tăng nhanh thị phần, phấn đấu đạt TOP 5 CTCK tại Việt Nam; (2) Đầu tư mạnh mẽ các giải pháp công nghệ thông tin và số hóa để tiếp tục nâng cao trải nghiệm khách hàng, gia tăng tiện ích cho khách hàng; (3) Khai thác hiệu quả lợi thế Tập đoàn và toàn bộ CBNV Tập đoàn MB sử dụng dịch vụ của MBS.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh liên tục biến động, chúng ta không thể giữ nguyên mô hình truyền thống mà cần phải thay đổi linh hoạt, thích nghi nhanh và đổi mới. MBS cam kết đồng hành cùng Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác trong hành trình này. Công ty đã và đang đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và nhân sự để cung cấp nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất cho khách hàng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV MBS đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng MBS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Lê Việt Hải

ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1 THỊ PHẦN

Thị phần 2023 đạt 5%, tăng trưởng 1 bậc so với 2022, lên TOP 7 HSX và duy trì TOP 5 HNX.
(Quý 3.2024 đạt TOP 5 HSX)

2 DƯ NỢ

Dư nợ cuối năm 2023 đạt 9.220 tỷ đồng, tăng 2,5 lần so với 2022.
(Là công ty chứng khoán có tăng trưởng mạnh nhất về dư nợ và đạt mức cao nhất từ khi thành lập)

3 LỢI NHUẬN

Lợi nhuận 2023 đạt 716 tỷ đồng, cao thứ hai trong lịch sử phát triển của MBS.

4 NỢ XẤU

Duy trì tỷ lệ nợ xấu 0% trong 12 năm liên tiếp.

ĐIỂM NHẤN HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 (Tiếp)

VỐN HÓA

Giá trị vốn hóa tại cuối năm 2023 bằng 2,13 lần so với 2022.

ROE

ROE đạt 12,3% nằm trong TOP 4 nhóm 10 công ty CK có thị phần cao nhất HSX.

CÔNG NGHỆ

Nâng cấp thành công nền tảng App Flutter lên 3.7.
Triển khai sản phẩm Cá heo bạc tỷ - Trợ lý thông tin, Pro-Advice.

DỮ LIỆU

Chuẩn hóa dữ liệu khách hàng, nâng cao vị thế MBS, góp phần là 1 trong 10 sự kiện chứng khoán nổi bật năm 2023 tại Việt Nam.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Với thế mạnh là công ty thành viên của Tập đoàn MB, MBS liên tục vươn lên đạt các mốc phát triển mới cả về quy mô và nghiệp vụ. Hiện nay, MBS tập trung phát triển dịch vụ chứng khoán mạnh mẽ đồng đều trên cả kênh số và kênh truyền thống cùng các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu cung cấp tới khách hàng.

MBS có đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năng động, am hiểu thị trường; kết hợp cùng nền tảng công nghệ vững chắc; sẽ mang đến khách hàng các giải pháp đầu tư chứng khoán hiệu quả, an toàn.



Tầng 7 – 8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh

Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội



+84 24 7304 5688



www.mbs.com.vnm

Mã cổ phiếu: MBS

Niêm yết tại SGDCK Hà Nội

VỐN ĐIỀU LỆ TẠI NGÀY 31/12/2023

4.376.699.930.000 VNĐ

VỐN CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/12/2023

5.038.196.498.594 VNĐ

TỔNG SỐ CBNV TẠI NGÀY 31/12/2023

615 CÁN BỘ NHÂN VIÊN

SỨ MỆNH – TẦM NHÌN – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN

Trở thành công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam.



SỨ MỆNH

MBS cung cấp dịch vụ xuất sắc nhất cho khách hàng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1

Tiên phong

Sẵn sàng đi đầu, dám nghĩ dám làm, dám đương đầu với thử thách và đón nhận mọi thay đổi.

Tiên phong sẽ giúp MBS có ý thức vươn lên, có động lực phát triển, hướng tới mục tiêu cung cấp dịch vụ xuất sắc nhất cho khách hàng.

2

Sáng tạo

Đổi mới tư duy trong cách nghĩ, cách làm, tạo sự mới mẻ và khác biệt trong các hoạt động của MBS.

Sáng tạo sẽ giúp MBS tạo ra những giá trị mới, ngày càng hoàn thiện và thành công trong mọi hoạt động.

3

Đoàn kết

Thống nhất về ý chí và hành động, cùng hướng tới mục tiêu chung.

Đoàn kết sẽ giúp MBS trở thành một tập thể có khát vọng cao, cam kết đồng hành và có trách nhiệm với cộng đồng.

4

Kỷ luật

Thượng tôn pháp luật, chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước và các chuẩn mực mà MBS lựa chọn.

Kỷ luật sẽ giúp MBS trở thành một tập thể vững mạnh, có năng suất và hiệu quả lao động cao.

5

Tận tâm

Luôn cố gắng hết sức, làm việc trách nhiệm, tâm huyết trong mọi quyết định và hành động.

Tận tâm tại MBS hướng tới sự gắn kết trong tổ chức và đặt khách hàng làm trọng tâm, nhằm mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



11/05/2000

Được thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).

Vốn điều lệ 9 tỷ đồng.

2003 Vốn điều lệ 43 tỷ đồng.

2006 Vốn điều lệ 120 tỷ đồng.

2007 Vốn điều lệ 300 tỷ đồng.

2008 Vốn điều lệ 430 tỷ đồng.

2009 Vốn điều lệ 800 tỷ đồng.
Đứng đầu thị phần môi giới trên sàn HNX.

2010 Vốn điều lệ 1.200 tỷ đồng
Đứng đầu thị phần môi giới trên sàn HNX.

2013 Hợp nhất và tăng vốn điều lệ lên 1.221 tỷ đồng.

2016 Niêm yết cổ phiếu MBS trên sàn HNX.

2020 Vốn điều lệ 1.643 tỷ đồng.

2021 Vốn điều lệ 2.676 tỷ đồng.

2022 Vốn điều lệ 3.806 tỷ đồng.

2023 Vốn điều lệ 4.377 tỷ đồng.

2003

Khai trương Chi nhánh Hồ Chí Minh tại TP. Hồ Chí Minh.

2009

Khai trương Chi nhánh Hải Phòng tại TP. Hải Phòng.

2012

Khai trương Chi nhánh Hà Nội tại TP. Hà Nội.

2013

Khai trương Chi nhánh Hoàn Kiếm tại TP. Hà Nội.

2016

Khai trương Chi nhánh Sài Gòn và Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại TP. Hồ Chí Minh.

2020

Đổi tên Chi nhánh Hoàn Kiếm thành Chi nhánh Sở Giao dịch 1.

2012

Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu.



2020

Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu.

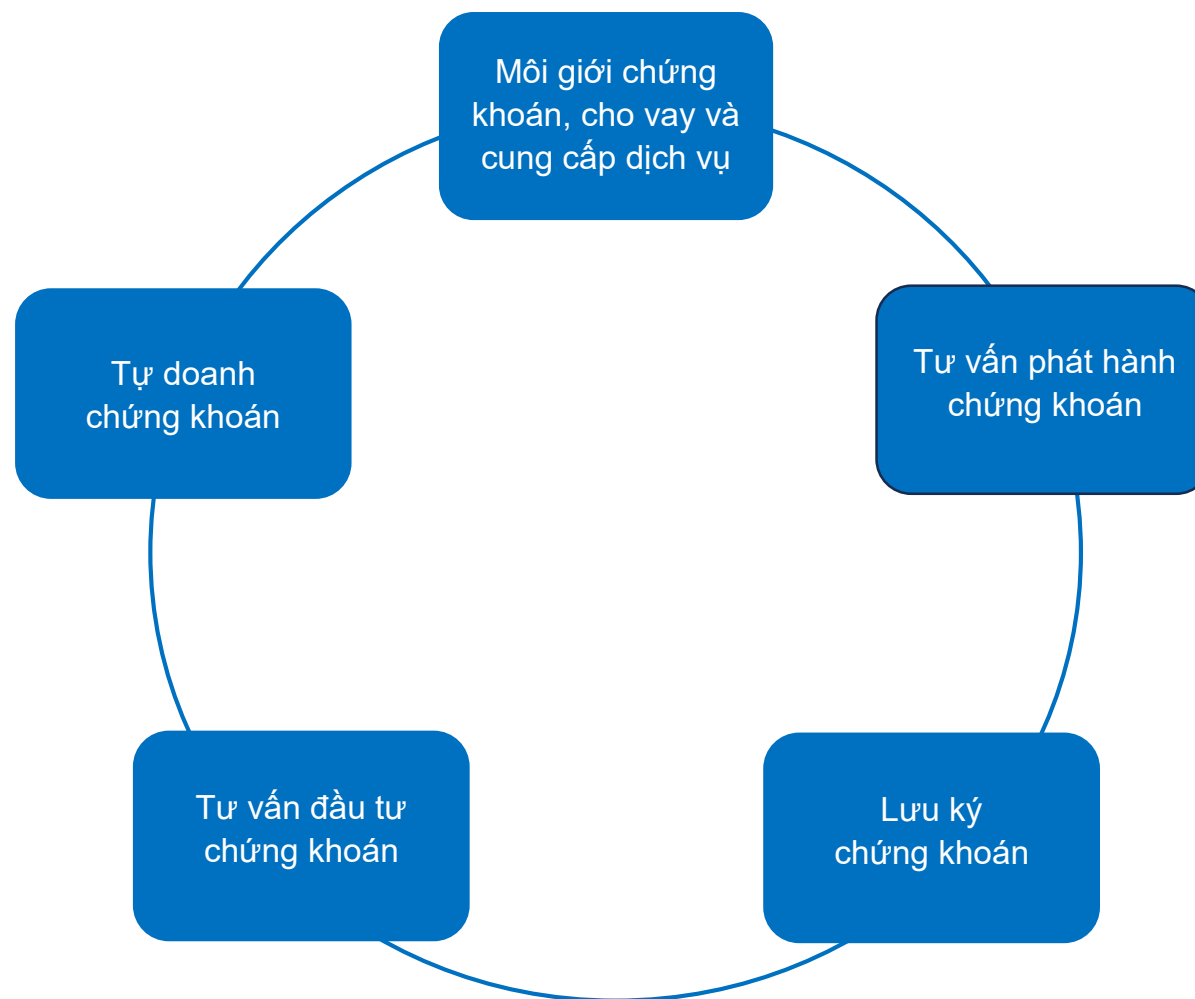


2022

Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu.



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 7 - 8, Tòa nhà MB
21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 7304 5688 Fax: 024 3726 2601
Email: cskh@mbs.com.vn Website: www.mbs.com.vn
Điện thoại đường dây nóng: 024 3755 6688

Sở giao dịch

Tòa nhà MB
Số 3 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 7304 7575

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tòa nhà Sunny
259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7304 7575

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà Thăng Long
98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 7304 7575

Chi nhánh Sài Gòn

Tòa nhà Hanava
132 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7304 7575

Chi nhánh Hải Phòng

Tòa nhà MB
Số 6 Lô 30A Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 022 5382 1886

Chi nhánh Bắc Sài Gòn

Tòa nhà The Prince Residence
17 – 19 – 21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7304 7373

MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU GẦN ĐÂY



Giải thưởng Sao Khuê 2023
Giải pháp xuất sắc của ngành phần mềm



Thành viên tiêu biểu trong hoạt động
lưu ký chứng khoán năm 2023



Nhà tuyển dụng
được yêu thích nhất năm 2023



Công ty chứng khoán được
khách hàng hài lòng nhất 2020



Nền tảng giao dịch online
sáng tạo nhất Việt Nam 2023

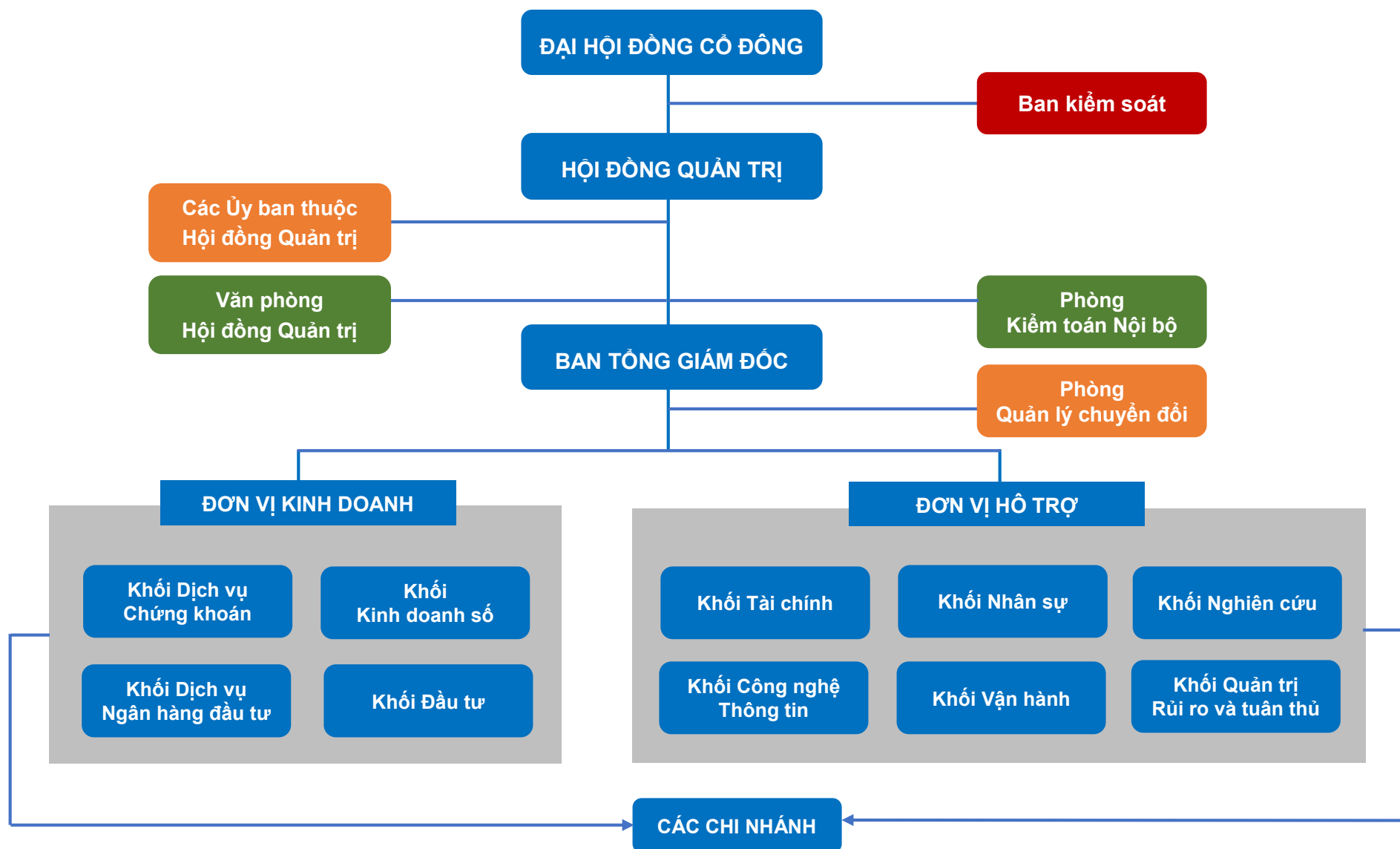


Công ty Quản lý Đầu tư tốt
nhất Việt Nam 2018



Dịch vụ ngân hàng đầu tư
tốt nhất Việt Nam 2018

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Viết Hải
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Viết Hải hiện là Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Ông Hải tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính tín dụng và bảo vệ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học California Miramar, Mỹ. Ông Hải có trên 25 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội với các trọng trách được giao như Giám đốc MB Hoàng Quốc Việt, GD Khối SME, GD Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh VP HĐQT.

Với cương vị Chủ tịch HĐQT MBS, Ông Hải đã chỉ đạo công ty thực hiện nhiều chương trình lớn như thay đổi mô hình tổ chức, xây dựng chiến lược kinh doanh, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh và hỗ trợ giúp tăng cường hiệu quả toàn Công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng.



Ông Phan Phương Anh
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Ông Phan Phương Anh là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) vào ngày 08/06/2022.

Ông Phan Anh tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Trước khi gia nhập MBS, Ông Phan Anh đã có hơn 15 năm đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Ông cũng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng đầu tư của Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital Fund.

Trong thời gian công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Ông Phan Anh từng thực hiện công việc ở các vị trí như: Chuyên viên phân tích đầu tư dự án, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối (Treasury). Ông cũng là một trong những thành viên đầu tiên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (là tiền thân của Công ty cổ phần Chứng khoán MB - MBS ngày nay) vào năm 2000.



Bà Nguyễn Minh Hằng
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Minh Hằng hiện là Giám đốc Khối đầu tư của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Minh Hằng tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính đồng thời bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà Minh Hằng có nhiều năm gắn bó với MB với các chức danh như Trưởng phòng Quản lý tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro.

Bà Minh Hằng đã tham gia nhiều dự án trọng điểm của MB và có đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị rủi ro của MB an toàn, hiệu quả, tiệm cận thông lệ quốc tế. Là thành viên HĐQT MBS, bà Hằng tham gia chỉ đạo Công ty thực hiện đổi mới mô hình hoạt động, đóng góp nhiều đối với công tác quản trị rủi ro và hoạt động bán chéo với MB Group.



Ông Phạm Xuân Thanh
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Xuân Thanh là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đã gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) 17 năm, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: Phó phòng Đầu tư - Khối đầu tư, Phó Giám đốc Sở giao dịch 1, Giám đốc Chi nhánh Long Biên, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và hiện tại là Phó giám đốc Khối Khách hàng lớn. Ông Thanh đã từng công tác tại Tổng công ty khoáng sản Việt Nam, Công ty Xuất nhập khẩu Intimex – Bộ thương mại, tham gia Ban Kiểm soát của Công ty CP thủy điện Hòa Na...

Ông Phạm Xuân Thanh được bầu và trúng cử là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS năm 2023.



Ông Phạm Thế Anh
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thế Anh là Phó Giáo sư, Tiến sĩ kinh tế, hiện đang là Trưởng Khoa Kinh tế học - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Thế Anh đã từng công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) trong 7 năm với các vị trí: Kinh tế trưởng (2009 - 2014) và Thành viên HĐQT độc lập (2016 - 2018). Ông cũng từng giữ các vai trò quan trọng như chuyên gia kinh tế cao cấp, cố vấn kinh tế/kinh tế trưởng ở các tổ chức như Nhóm Tư vấn Chính sách - Bộ Tài chính, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Việt Nam (VEPR), Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

Ông Phạm Thế Anh được bầu và trúng cử là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS năm 2023.

BAN KIỂM SOÁT

Bà Phạm Thị Hoa
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hoa hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS). Bà Hoa tốt nghiệp và bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Hoa có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Phó Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ.



Bà Vũ Thị Hương
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hương hiện là Trưởng bộ phận Kiểm toán tài chính, Cơ quan Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Hương tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, ngành Quản trị tài chính với 4 năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và nhiều năm kinh nghiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.



Bà Lê Thu Trang
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thu Trang là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, có 13 năm công tác trong ngành Ngân hàng. Bà Trang đã gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) trong 9 năm, thực hiện công việc ở các vị trí như: Giám đốc Phát triển kinh doanh, Phòng Phát triển kinh doanh, Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Chuyên gia Phòng Tài chính, Khối Tài chính kế toán.

Bà Lê Thu Trang được bầu và trúng cử là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS năm 2023.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Phan Phương Anh
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Ông Phan Phương Anh là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) vào ngày 08/06/2022.

Ông Phan Anh tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Trước khi gia nhập MBS, Ông Phan Anh đã có hơn 15 năm đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Ông cũng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng đầu tư của Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital Fund.

Trong thời gian công tác tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Ông Phan Anh từng thực hiện công việc ở các vị trí như: Chuyên viên phân tích đầu tư dự án, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối (Treasury). Ông cũng là một trong những thành viên đầu tiên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (là tiền thân của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB - MBS ngày nay) vào năm 2000.



Bà Phùng Thị Thanh Hà
Phó Tổng Giám đốc

Bà Phùng Thị Thanh Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác quản trị rủi ro, nghiệp vụ, pháp chế của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế tại trường Đại học Méditerranée - Aix Marseille II (Pháp) chuyên ngành quản trị doanh nghiệp. Bà Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp đáng kể trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro của MBS đảm bảo tái cấu trúc thành công, góp phần vào việc đưa MBS trở thành công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường.

Trước khi làm việc tại MBS, bà Hà từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Trưởng Bộ phận tái thẩm định SME, Trưởng Bộ phận tái thẩm định Khách hàng cá nhân, Phó phòng Thẩm định Hội sở.



Ông Lê Thành Nam
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thành Nam hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía nam của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp. Giữ cương vị phụ trách hoạt động của MBS tại Khu vực phía Nam, ông Nam đã xây dựng và thu hút được được đội ngũ môi giới lớn mạnh, tâm huyết, đem lại nhiều bước đột phá về kết quả kinh doanh, góp phần phát triển thương hiệu cũng như mở rộng thị phần của MBS tại khu vực phía nam.

Trước khi về MBS, ông Nam từng có nhiều năm đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp như: PCT HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ thương mại Giấy Việt; thành viên HĐQT Công ty CP DIC số 4; thành viên HĐQT Công ty địa ốc Hoàng Quân và thành viên HĐQT Công ty CP Thuốc thú y Cai Lậy.



Ông Nguyễn Xuân Cường
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Cường là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB. Ông Cường tốt nghiệp ngành Tài chính doanh nghiệp trường Đại học Kinh tế TP. HCM và Thạc sỹ Đại học Fulbright Việt Nam.

Trước khi về MBS, Ông Cường có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và giữ nhiều chức vụ cao tại Ngân hàng TMCP Quân Đội như: Giám đốc Kinh doanh vùng – Khối SME, Giám đốc Chi nhánh Bến Tre, Phó Giám đốc Chi nhánh Chợ Lớn, Giám đốc Chi nhánh Nguyễn Tri Phương, Trợ lý Phó Tổng Giám đốc...



Ông Lê Văn Tuấn
Thành viên Ban Điều hành

Ông Lê Văn Tuấn hiện là thành viên Ban Điều hành, phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành công nghệ thông tin, thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine USA. Ông Tuấn có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt trong ngành tài chính và từng tham gia nhiều dự án lớn về quản trị và phát triển hệ thống CNTT của Ngân hàng MB.

Trước khi công tác tại MBS, ông Tuấn từng giữ nhiều vị trí quan trọng mảng công nghệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội như: Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Giám đốc Trung tâm Phát triển - Khối Công nghệ thông tin.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2023

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2023

Tình hình kinh tế vĩ mô

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 78% mục tiêu. Mặc dù tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thách thức song tình hình kinh tế trong nước đã duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,25% (thấp hơn mục tiêu 2023). Các cân đối lớn được đảm bảo và tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Trong bối cảnh lãi suất thế giới tăng và giữ ở mức cao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, thận trọng, chắc chắn, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.



Thị trường chứng khoán

Chỉ số chứng khoán toàn cầu khép lại năm 2023 với mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2019 nhờ đợt hồi phục kéo dài 2 tháng cuối năm khi các nhà đầu tư đặt cược rằng các ngân hàng trung ương lớn đã hoàn tất việc tăng lãi suất và sẽ cắt giảm nhanh chóng vào năm tới.

Thị trường chứng khoán trong nước phiên cuối năm 2023 đạt 1.129,93 điểm, tăng 122,84 điểm (tương đương +12,20%) so với cùng kỳ, trở thành thị trường có thành tích tốt nhất trong nhóm Asean 6. Với 4 lần giảm lãi suất từ Ngân hàng Nhà nước, chỉ số Vn-Index đã đạt đỉnh 1.255,11 điểm ở đầu tháng 9, sau khi tạo đáy ở đầu tháng 11 thị trường đã hồi lại 10% nhưng vẫn chậm hơn so với sự hồi phục của chứng khoán thế giới cùng thời gian. So với mức cao kỷ lục (1.536 điểm), chỉ số này vẫn còn cách 26%. Mức tăng năm 2023 tập trung ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ: nhóm vốn hóa nhỏ (Smallcap) tăng 29% và nhóm vốn hóa trung bình (Midcap) tăng 32%. Trong khi nhóm Vn30 chỉ có mức tăng tương đương với thị trường chung 12,6%. Tổng vốn hóa thị trường năm 2023 đạt hơn 240 tỷ USD, tương đương 56,4% GDP, riêng sàn HSX là 186 tỷ USD. Thanh khoản toàn thị trường năm 2023 đạt 17,5 nghìn tỷ đồng, giảm 14,4% so với mức bình quân năm 2022. Thanh khoản thị trường đạt đỉnh trong quý 3 với mức bình quân 24.544 tỷ đồng, mức tăng thanh khoản diễn ra từ quý 2 từ mức nền thấp 11.425 tỷ ở quý 1, kể từ tháng 6 thanh khoản thị trường luôn cao hơn so với cùng kỳ 7 tháng liên tiếp. Khối ngoại bán ròng 22.810 tỷ đồng trong năm 2023, giai đoạn quý 1 khối ngoại liên tục mua ròng, đã có thời điểm lũy kế đạt 7.100 tỷ đồng ở cuối tháng 3, chuỗi bán ròng liên tục của khối ngoại bắt đầu từ tháng 4 và kéo dài cho đến hết năm.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Tổng quan về hoạt động Quản trị rủi ro tại MBS

Quản trị rủi ro chặt chẽ, thông minh và đồng hành cùng kinh doanh là nền tảng quan trọng xuyên suốt các giai đoạn chiến lược của MBS. Công ty đã tổ chức hoạt động quản lý rủi ro theo mô hình ba tuyến phòng vệ, tiệm cận thông lệ quốc tế trong đó các tuyến phòng thủ hoạt động khách quan, chủ động và sáng tạo giúp củng cố các rào chắn để phòng ngừa/ nhận diện và giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh gây thiệt hại cho Công ty.

Công ty triển khai đào tạo, truyền thông văn hóa rủi ro, văn hóa tuân thủ đến từng nhân sự thuộc các phòng ban trên toàn hệ thống MBS nhằm đảm bảo công ty thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững, hiệu quả và gắn liền với lợi ích của khách hàng.

Năm 2023, đứng trước xu hướng chuyển dịch số mạnh mẽ về kinh doanh và vận hành, hoạt động quản trị rủi ro từng bước giải quyết những thách thức mới về quản lý rủi ro công nghệ và đảm bảo hoạt động liên tục. MBS đã đẩy mạnh vận dụng các công cụ phân tích dữ liệu, phân tích hành vi khách hàng và mô hình đo lường rủi ro để đưa ra các quyết định kinh doanh từ quản trị đến điều hành. Một số thông tin cảnh báo sớm các dấu hiệu rủi ro được xây dựng tự động đã phản ánh kịp thời, chính xác đến các đơn vị góp phần nâng cao nhận thức của đơn vị kinh doanh và chủ động triển khai các biện pháp ứng phó nhằm bảo vệ các thành quả kinh doanh của MBS. Đồng thời, trong quá trình thực hiện cải tiến liên tục, MBS đã chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, quy định, chính sách sản phẩm dịch vụ theo thông lệ tiên tiến để các đơn vị tự nhận diện rủi ro và thiết kế các chốt kiểm soát hiệu quả.



Rủi ro thị trường

Năm 2023, thị trường chứng khoán diễn biến đa chiều trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp. Sáu tháng đầu năm giao dịch trầm lắng, nền kinh tế và chỉ số thị trường nói chung đều sụt giảm khi chịu tác động của suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, lạm phát đi kèm chính sách thắt chặt tiền tệ của các nền kinh tế lớn và căng thẳng chính trị giữa một số quốc gia, khu vực trên thế giới.

Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm được các đơn vị phối hợp chặt chẽ nhịp nhàng. MBS đẩy mạnh việc giám sát, đánh giá, dự báo thị trường và cảnh báo rủi ro thị trường thông qua xây dựng các mô hình và kịch bản ứng phó với rủi ro trong từng điều kiện biến động. Việc điều chỉnh linh hoạt chính sách danh mục cho vay, chiến lược đầu tư từ thắt chặt sang nới lỏng đều dựa trên phân tích kỹ lưỡng về tiềm năng của từng nhóm ngành, cổ phiếu cụ thể đã giúp MBS sớm thu hút được nhà đầu tư có nhu cầu gia tăng giao dịch và sử dụng đòn bẩy giao dịch ký quỹ nhằm tận dụng cơ hội thị trường. Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong 6 tháng cuối năm về quy mô dư nợ, thị phần và sự đóng góp của đầu tư tự doanh, đồng thời vẫn đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả.

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán hiện diện trong nhiều hoạt động của công ty, phát sinh trọng yếu từ giao dịch ký quỹ, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư công cụ tài chính khác khi khách hàng, đối tác không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ nghĩa vụ như đã cam kết.

MBS đã ưu tiên triển khai sớm tự động hoá quy trình dịch vụ tài chính trên hệ thống phần mềm, đồng thời xây dựng và rà soát danh mục cho vay thường xuyên kết hợp sử dụng các công cụ giám sát và cảnh báo tự động để kiểm soát chất lượng các khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng. Kết quả MBS tiếp tục giữ vững 12 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu dịch vụ tài chính.

Đảm bảo hạn chế rủi ro khi thực hiện hoạt động đầu tư MBS luôn xem xét thận trọng phương án kinh doanh, uy tín giao dịch của tổ chức phát hành, hoạt động thẩm định và xếp hạng đối tác được thực hiện đầy đủ, kĩ càng theo quy trình của MBS. Trong điều kiện tổ chức phát hành trái phiếu gặp khó khăn, MBS đã chủ động phối hợp với doanh nghiệp thực hiện biện

pháp tháo gỡ của cơ quan quản lý kèm theo điều kiện bổ sung tài sản bảo đảm, nguồn trả nợ cho trái chủ để hạn chế phát sinh rủi ro.

Rủi ro thanh khoản

Nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh linh hoạt và liên tục thay đổi theo diễn biến thị trường, MBS đặt mục tiêu điều hành hoạt động nguồn vốn không chỉ đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho kinh doanh mà còn phải hiệu quả về mặt chi phí. MBS mở rộng quan hệ giao dịch, vay vốn với các ngân hàng uy tín trong nước, nước ngoài và luôn duy trì hạn mức giải ngân ổn định. Hệ thống các tiêu chí và báo cáo giám sát thanh khoản, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đã được thiết lập để giám sát hàng ngày và định kỳ theo tần suất phù hợp, hỗ trợ Ban lãnh đạo ra quyết định kinh doanh nhanh chóng kịp thời, đảm bảo cân bằng giữa hiệu quả và rủi ro.

Rủi ro công nghệ thông tin

Bên cạnh áp dụng mô hình Agile tăng tốc phát triển sản phẩm dịch vụ mới cung cấp tới khách hàng, năm 2023 MBS song hành củng cố năng lực quản lý rủi ro công nghệ thông tin qua hoàn thiện khung quản trị rủi ro công nghệ thông tin, nâng cao khả năng giám sát vận hành và phát hiện rủi ro.

Công ty đã thực hiện đồng loạt các giải pháp đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin về DC - DR, cải tiến giao diện Mobile App hiện đại, nâng cấp theo công nghệ Flutter, nâng cao khả năng tải của hệ thống, phát triển thêm các hệ thống giám sát và cảnh báo, các lớp bảo mật và hoàn thiện khung quy trình quy định liên quan tới công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị an ninh an toàn thông tin. Bộ phận rủi ro đã xây dựng quy trình và hoàn thiện các kịch bản xử lý rủi ro, thường xuyên theo dõi đánh giá khả năng quản lý an toàn, hiệu quả của hệ thống.

Công ty nhận định rõ ràng Khách hàng chính là tài sản quý giá để luôn đề cao chữ tín và bảo vệ lợi ích của Khách hàng trong mọi hoạt động kinh doanh. Do đó, MBS không ngừng chú trọng tăng cường giải pháp công nghệ và tăng cường truyền thông tới nhân viên, Khách hàng nhằm nâng cao nhận thức về bảo mật thông tin, cảnh giác trước các thủ đoạn sử dụng công nghệ ngày càng tinh vi (Deepfake, Giả mạo CTCK, App giả mạo, giả danh cơ quan chức năng để đánh cắp thông tin...) để giả mạo, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong lĩnh vực tài chính.

Rủi ro thương hiệu, danh tiếng

MBS hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu nhận biết, định vị sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp mà đã trở thành một tài sản có giá trị đặc biệt của Công ty. Cùng với niềm tin, thương hiệu của doanh nghiệp chiếm vị thế vô cùng quan trọng tuy nhiên cũng là yếu tố dễ chịu tác động bởi các yếu tố bên ngoài, vì vậy luôn tiềm ẩn rủi ro có thể phát sinh những tổn thất, thiệt hại về giá trị khi khách hàng thay đổi quan niệm, đánh giá về công ty, từ đó thay đổi nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ. Đặc biệt MBS là doanh nghiệp kinh doanh trong ngành Chứng khoán – nơi sự uy tín và an toàn luôn là thước đo cho sự thành công thì việc quản trị rủi ro thương hiệu là hoạt động tất yếu và vô cùng quan trọng.

Các hoạt động truyền thông nội bộ để kết nối và tăng cường nhận thức về giá trị thương hiệu, ý thức về bảo vệ thương hiệu, bảo vệ bí mật kinh doanh của Công ty được tổ chức, truyền thông thường xuyên. Công ty luôn đề cao tính minh bạch trong truyền thông, nỗ lực công bố sớm thông tin tình hình tài chính tới cổ đông, nhà đầu tư và luôn sẵn sàng phối hợp với các cơ quan báo chí cập nhật đánh giá về dự báo triển vọng thị trường. Để quản lý rủi ro danh tiếng, thương hiệu MBS có quy định cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về công ty (nếu có) trên phương tiện truyền thông cũng như các kịch bản xử lý khủng hoảng với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.

Quản trị rủi ro chặt chẽ, thông minh và đồng hành cùng hoạt động kinh doanh là nền tảng quan trọng xuyên suốt các giai đoạn chiến lược của MBS.

Trong 12 năm liên tiếp, MBS không phát sinh nợ xấu dịch vụ tài chính.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2023

DOANH THU **1.826** tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ **716** tỷ đồng

So sánh với năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Thực hiện 2023/ Thực hiện 2022	Thực hiện 2023/ Kế hoạch 2023
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	2.700	1.978	1.826	92%	68%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	900	661	716	108%	80%



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT Thành viên không điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 60%	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 40%	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital). Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước.
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành		Giám đốc Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành		Phó Giám đốc Khối khách hàng định chế & Doanh nghiệp lớn - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT Thành viên độc lập		Trưởng khoa Kinh tế học – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

MBS có cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị MBS.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành trong quá trình triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng Quản trị, đảm bảo các hoạt động của MBS được tiến hành theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị đã tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơn vị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của MBS.

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại, cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị MBS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập. Tính “độc lập” của các thành viên tuân thủ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, Hội đồng Quản trị đã thành lập 02 tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị gồm:

- ❖ Ủy ban quản lý rủi ro
- ❖ Ủy ban Nhân sự và lương thưởng

Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc duy trì và tăng cường hoạt động quản lý rủi ro và công tác nhân sự, lương thưởng, bao gồm:

1. Ủy ban quản lý rủi ro

Ủy ban quản lý rủi ro đã hỗ trợ giám sát các công việc sau:

- Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, cho ý kiến về chính sách rủi ro phù hợp với chiến lược chung của công ty;
- Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, các khuyến nghị của cơ quan Thanh tra, quy định của MBS, các quyết nghị của Hội đồng Quản trị liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của MBS nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh rủi ro, tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.
- Đánh giá sự phù hợp trong công tác quản trị rủi ro của MBS theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của MBS và định hướng theo thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro để đảm bảo các rủi ro của MBS được quản lý và đánh giá một cách khoa học, thống nhất và hiệu quả. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác quản trị rủi ro.
- Đánh giá và đề xuất Hội đồng Quản trị trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu quản trị của MBS từng thời kỳ.
- Báo cáo Hội đồng Quản trị hiệu quả của Phòng Quản trị rủi ro và công tác quản trị rủi ro trên toàn hệ thống và đưa ra phương hướng khắc phục.

2. Ủy ban Nhân sự và lương thưởng

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng.
- Phối hợp với Khối Nhân sự theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống.
- Giải quyết các chế độ cho người lao động đảm bảo cạnh tranh và tuân thủ pháp luật.

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

1. CỔ PHẦN

Nội dung	Số lượng cổ phần
Tổng số lượng cổ phần MBS	437.669.993
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	437.669.993
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	-

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

a. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Cổ đông	SL cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu > 5%	1	348.962.212	79,73%
Ngân hàng TMCP Quân đội	1	348.962.212	79,73%
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu < 5%	17.653	88.707.781	20,27%
Tổng cộng	17.654	437.669.993	100%

b. Cơ cấu cổ đông theo loại hình

Cổ đông	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ phiếu quỹ	-	30.441	30.441	0,01%
II. Cổ đông khác				
Tổ chức trong nước	-	349.857.094	349.857.094	79,94%
Cá nhân trong nước	-	85.737.550	85.737.550	19,59%
Tổ chức nước ngoài	-	1.645.127	1.645.127	0,38%
Cá nhân nước ngoài	-	430.222	430.222	0,09%
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	0%
Tổng cộng	-	437.669.993	437.669.993	100%

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2023

Nội dung	SL cổ phiếu quỹ tại 01/01/2023	SL cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng/giảm) trong kỳ	SL cổ phiếu quỹ tại 29/12/2023
Số lượng cổ phiếu quỹ	30.441	-	30.441

Ghi chú: Số liệu được ghi nhận theo danh sách chốt cổ đông ngày 29/12/2023 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2023

Trước diễn biến khó khăn của thị trường, năm 2023 MBS cũng đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên dưới nỗ lực quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo và sự cố gắng, đồng lòng của toàn bộ CBNV MBS, Công ty đạt nhiều kết quả khả quan:

Về hoạt động quản trị, chiến lược

- ✓ Năm 2023, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược giai đoạn 2022 - 2026, với tầm nhìn: Trở thành Công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam; Mục tiêu nằm trong Top 3 thị trường chứng khoán Việt Nam về hiệu quả hoạt động và Top 5 thị trường chứng khoán Việt Nam về thị phần môi giới.
- ✓ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 3.805 tỷ đồng lên 4.376 tỷ đồng thông qua việc trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu...

Về mô hình tổ chức

- ✓ Kiến toàn lực lượng và tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược.
- ✓ Bên cạnh việc nâng cao chất lượng dịch vụ hoạt động môi giới truyền thống, Công ty đang đầu tư công nghệ mạnh mẽ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh số để tăng trải nghiệm khách hàng.

Về hoạt động kinh doanh

- ✓ Thị phần môi giới luôn trong Top 10 công ty chứng khoán trên sàn HSX và duy trì TOP 5 trên sàn HNX.
- ✓ Phối hợp với MB để thúc đẩy hoạt động bán chéo Tập đoàn.
- ✓ Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài đảm bảo nguồn vốn cho kinh doanh.

Về công nghệ

- ✓ Khối Công nghệ thông tin và Khối Kinh doanh số phối hợp triển khai nhiều dự án phát triển sản phẩm mới trên kênh số nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng: đổi mới giao diện App MBS, cung cấp các sản phẩm tư vấn online...
- ✓ Đảm bảo tiến độ dự án KRX theo yêu cầu của CQQL; Hoàn thành dịch chuyển hệ thống DC mới.

Về quản trị rủi ro

Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay, điều chỉnh kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

CHIẾN LƯỢC

Tiếp tục triển khai các sáng kiến trong chiến lược 2022 - 2026, tinh chỉnh những giải pháp thực thi để tạo động lực tốt hơn cho MBS trong tương lai.

TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

Tiếp tục nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành, tăng cường vai trò của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, phát huy vai trò của các Ủy ban và cơ quan hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

Doanh thu trên 2.786 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 930 tỷ đồng; ROE tối thiểu 13,8%; tiếp tục triển khai giải pháp tăng trưởng thị phần hướng đến mục tiêu TOP 5 thị phần môi giới.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024 (TIẾP)**SẢN PHẨM DỊCH VỤ**

Phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đặc biệt là sản phẩm trên kênh số để phù hợp với thông lệ quốc tế, yêu cầu luật định và đáp ứng nhu cầu khách hàng. Cải cách thủ tục hành chính, chú trọng thiết kế sản phẩm linh hoạt, có tính dẫn dắt thị trường.

CÔNG NGHỆ

Phối hợp chặt chẽ và bám sát chiến lược phát triển công nghệ thông tin Tập đoàn, đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

Với phương châm con người là nguồn lực cốt lõi của công ty, năm 2024 công ty sẽ tiếp tục thu hút các nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài, đồng thời đẩy mạnh phát triển nguồn lực nội bộ tại các mảng hoạt động kinh doanh và hỗ trợ trọng yếu; tiếp tục hoàn thiện cơ chế đãi ngộ gắn với năng suất lao động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ vào Điều lệ, Hội đồng Quản trị giao quyền cho Ban Điều hành quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng Quản trị đánh giá:

- ▶ Ban Điều hành đã thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.
- ▶ Ban Điều hành đã chú trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro.
- ▶ Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty được thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.
- ▶ Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng BKS	10/04/2021	6/6	100%
Bà Vũ Thị Hương	Thành viên BKS	27/04/2017	6/6	100%
Bà Lê Thu Trang	Thành viên BKS	21/04/2023	5/6	100%
Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 21/04/2023	1/6	100%

Tổ chức hoạt động và triển khai kế hoạch

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua việc kiện toàn nhân sự của Ban Kiểm soát. Ngay sau Đại hội, Ban Kiểm soát đã kiện toàn công tác phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát. Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 06 phiên họp để triển khai nhiệm vụ giám sát theo quy định của Pháp luật.

Ban Kiểm soát đã xây dựng và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2023, đồng thời định hướng, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ phối hợp với các đơn vị tuyến bảo vệ số 1 và tuyến bảo vệ số 2 xây dựng kế hoạch 2023 đảm bảo hiệu quả, tối ưu nguồn lực.

Công tác triển khai nhiệm vụ của Ban Kiểm soát luôn được phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát theo hướng minh bạch, kịp thời. Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị tham gia cho ý kiến có chất lượng, khách quan về các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát đối với công tác quản trị và điều hành

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tập trung vào: giám sát tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý, điều hành tại Công ty; giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát hoạt động đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ; giám sát việc thực hiện các nghị quyết Hội đồng Quản trị MB và Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty.

Kết quả giám sát cho thấy:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai nhiệm vụ theo quy định pháp luật, quy định nội bộ và các thông lệ tiên tiến, phù hợp với hoạt động của MBS;
- Ban Điều hành đã nỗ lực và quyết tâm triển khai chủ động, sáng tạo với các giải pháp kinh doanh bám sát tình hình thị trường:
 - ✓ Đạt lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 716 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2022;
 - ✓ Đạt TOP 7 thị phần trên sàn HSX (tăng 1 bậc so với năm 2022);
 - ✓ Số lượng tài khoản đã được VSD ghi nhận tính đến tháng 12 năm 2023 đạt gần 496.000 tài khoản;
 - ✓ Dịch vụ tài chính: thời điểm 31/12/2023 dư nợ đạt hơn 10.000 tỷ đồng, gấp 2,5 lần so với thời điểm đầu năm;
 - ✓ Liên tục cải tiến và cập nhật các tính năng của hệ thống theo hướng số hóa ngày càng cao, đảm bảo cung cấp dịch vụ thuận tiện, linh hoạt hướng tới khách hàng.

Hoạt động thẩm định Báo cáo tài chính, Giám sát kết quả tài chính

Ban Kiểm soát đã làm việc với Công ty kiểm toán độc lập (KPMG) về kế hoạch/ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và 1 năm, giám sát toàn diện công tác quyết toán/ khóa sổ năm 2023, giám sát các chỉ số an toàn tài chính theo Quy định. Trong kỳ, Công ty kiểm toán KPMG đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với báo cáo tài chính năm 2023 của MBS. Kết quả thẩm định và giám sát tài chính cho thấy, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính MBS đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trên cơ sở các quy định của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. MBS đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính, các giới hạn đầu tư cho vay đáp ứng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Hoạt động chỉ đạo và giám sát triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ

Chỉ đạo Phòng kiểm toán nội bộ rà soát chiến lược/ định hướng hoạt động kiểm toán giai đoạn 2022 - 2026 phù hợp với chiến lược của công ty, xây dựng kế hoạch hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2023.

Ban Kiểm soát đã định hướng, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành vượt kế hoạch các chương trình kiểm tra, kiểm toán nội bộ năm 2023. Các phát hiện và tư vấn trong các chương trình kiểm tra, kiểm toán tập trung vào nhận diện các tồn tại, hạn chế, rủi ro và đánh giá nguyên nhân để kiến nghị/ khuyến nghị kiện toàn hệ thống thông tin kế toán, tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, nhằm tuân thủ các quy định và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho MBS.

Rà soát giao dịch với người có liên quan

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát giao dịch của MBS với người có liên quan, người nội bộ. Trong năm 2023, MBS thực hiện giao dịch với người có liên quan phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI TẠI MBS

1. Hoạt động Môi giới tăng tốc chuyển đổi số

Trước bối cảnh diễn biến phức tạp của thị trường, kết quả hoạt động môi giới của MBS năm 2023 đã gặt hái được một số kết quả đáng ghi nhận như sau:

- Cải tiến mạnh dịch vụ tư vấn và trải nghiệm khách hàng, song song với chính sách sản phẩm đồng bộ, chuyển đổi số mạnh mẽ đã đem lại thành quả thị phần HSX của MBS đạt 5,09% xếp hạng TOP 5 trong Quý 3 và cả năm 2023 đạt 5% xếp hạng TOP 7 tăng 1 bậc so với 2022; tỷ lệ khách hàng giao dịch trên các nền tảng số tăng trưởng và đạt 98%.
- Các sản phẩm/ tính năng số mới nổi bật trong năm 2023 như: Pro-advice sản phẩm tiên phong trong cung cấp công cụ số cho khách hàng và lực lượng môi giới; cá heo bạc tỷ; flash deal...
- Giá trị giao dịch toàn thị trường giảm so với năm 2022, tuy nhiên MBS luôn bám sát phương châm kinh doanh an toàn song không bỏ lỡ thời cơ, kết quả dư nợ dịch vụ tài chính thời điểm cuối năm 2023 tăng 250% so với cùng kỳ 2022, tiếp tục duy trì 12 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu.

2. Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - IB mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định uy tín

- Trong bối cảnh thị trường trái phiếu tiếp tục gặp khó khăn, công ty nỗ lực triển khai hoạt động tư vấn, đặc biệt là hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu.
- Nguồn lực tài chính, mạng lưới đối tác trong và ngoài nước, nhân sự chất lượng liên tục được củng cố tạo nền tảng vững chắc đồng thời là giải pháp kinh doanh cho hoạt động tư vấn ngân hàng đầu tư của MBS. Bên cạnh đó, khách hàng truyền thống đa ngành và khai thác thông qua kênh bán chéo đa chiều trong MB Group là tệp khách hàng mục tiêu được MBS tập trung thực hiện tư vấn. Hoạt động ngân hàng đầu tư tiếp tục củng cố chuỗi giá trị tư vấn, đầu tư và phân phối trái phiếu của MBS trong năm 2023.

3. Hoạt động đầu tư an toàn, hiệu quả, tiên phong thị trường về triển khai các sản phẩm mới

- MBS chủ động quản trị danh mục đầu tư an toàn, đồng thời không ngừng tìm kiếm cơ hội đầu tư, danh mục tự doanh của công ty đem lại tỷ suất sinh lời cao hơn mức tăng trưởng của chỉ số VN-Index.
- Tiếp tục duy trì vai trò tạo lập thị trường và phân phối chứng quyền trong năm 2023.
- Hoạt động quản trị rủi ro tốt đã giúp MBS giữ cho mảng đầu tư cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp được an toàn, ổn định.

CÁC NỀN TẢNG HỖ TRỢ KINH DOANH

MBS đầu tư mạnh nâng cấp các nền tảng hỗ trợ kinh doanh để luôn tiên phong và sẵn sàng nâng cao nghiệp vụ, giữ vững vai trò hỗ trợ đắc lực để đem lại hiệu quả kinh doanh trong năm 2023, cụ thể như sau:

1. Hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu với thông tin và chất lượng tư vấn tốt

Năm 2023 ghi dấu ấn với hoạt động nghiên cứu của MBS. Các chương trình hội thảo trực tuyến (MBS's Talk), chuỗi chương trình tư vấn online trên Kênh Youtube được tổ chức định kỳ hàng ngày, thường xuyên thu hút hàng ngàn lượt xem, các bài viết trên các trang báo uy tín, đặc biệt là các báo cáo phân tích thị trường được cập nhật liên tục, nhanh chóng và chính xác, hỗ trợ tích cực cho việc thu hút sự quan tâm của ngày càng nhiều nhà đầu tư cũng như các phương tiện truyền thông.

Chất lượng tư vấn của MBS trong năm 2023 có tính đột phá và nhanh nhạy với các biến động thị trường với việc định giá phù hợp và tham vấn đầu tư số lượng lớn các mã có cơ hội tăng trưởng tốt trong năm. Các báo cáo kinh tế vĩ mô, báo cáo ngành chuyên sâu và toàn diện giúp nâng cao uy tín hoạt động nghiên cứu của MBS. Báo cáo định kỳ tư vấn đầu tư, nhận định thị trường của MBS được nhà đầu tư đánh giá cao, gắn với mục tiêu hướng tới gia tăng quản trị tài sản của nhà đầu tư.

Các báo cáo phân tích có giá trị đến từ các chuyên gia của MBS là lựa chọn của nhiều khách hàng là các tổ chức và khách hàng nước ngoài, là sự lựa chọn hàng đầu trên các phương tiện truyền thông, góp phần gia tăng hiện diện và độ bao phủ của MBS trên thị trường.

2. Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hấp dẫn khách hàng

Hoạt động công nghệ thông tin và số hóa vận hành được đẩy mạnh: triển khai dự án KRX đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của CQQL, chuyển dịch và tối ưu hệ thống core lõi đáp ứng quy mô mở rộng, nâng cấp thành công nền tảng Flutter cho hệ thống giao dịch Mobile App. Các hoạt động CNTT khác như củng cố và nâng cấp hạ tầng và an ninh công nghệ, quản trị dữ liệu an toàn và tập trung, hỗ trợ mục tiêu quản trị và ra quyết định được chú trọng.

Hoạt động công nghệ thông tin vận hành ổn định, an toàn an ninh hệ thống được đảm bảo, Công ty đã không ngừng tăng cường năng lực xử lý hệ thống, các hệ thống được giám sát vận hành liên tục.

Một số dự án nổi bật đóng góp vào tăng trưởng hoạt động kinh doanh của MBS như: Thay thế giao diện mới cho Mobile App hiện đại hơn, trực quan hơn, cá nhân hóa và có thể tùy biến theo nhu cầu khách hàng; triển khai các sản phẩm mới như Trợ lý thông tin Cá heo bạc tỷ dựa trên công nghệ AI nhằm hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra quyết định nhanh chóng, Pro-advice tư vấn 1:1 cho khách hàng...; dự án bán chéo tập đoàn đối với nhiều sản phẩm góp phần mở rộng khai thác được lượng lớn khách hàng từ MBGroup. Ngoài ra MBS cũng tập trung triển khai các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số và tối ưu hoạt động vận hành đáp ứng nhanh chóng và kịp thời nhu cầu kinh doanh.

3. Quản trị rủi ro thông minh, xác lập cơ chế tự quản trị và thiết lập các vòng bảo vệ chắc chắn

Hoạt động quản trị rủi ro chủ động và tiên tiến trong việc giữ vững vai trò tham mưu và giám sát tuân thủ, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh chuyển dịch số toàn diện tại MBS.

Quản trị rủi ro của MBS hướng tới mục tiêu áp dụng các thông lệ tiên tiến trên thị trường, quản trị rủi ro thông minh với việc ưu tiên sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và quản trị dữ liệu hiệu quả.

MBS nỗ lực và hoàn thành xuất sắc mục tiêu không để phát sinh nợ xấu trước sự tăng trưởng mạnh về dư nợ trong giai đoạn 6 tháng cuối năm và những diễn biến khó lường về giao dịch toàn thị trường năm 2023.

Ngoài ra, MBS đã tiến hành rà soát & giảm thiểu các sự cố rủi ro, vấn đề truyền thông, rà soát rủi ro hoạt động, đảm bảo hoạt động liên tục trước tình hình thay đổi của các văn bản pháp luật và quy định của cơ quan quản lý, rà soát văn bản quy định đã ban hành, không phát sinh các khiếu nại khiếu kiện.

KẾT LUẬN:

Năm 2023, MBS đã đạt được một số điểm tích cực trong hoạt động kinh doanh như sau:

- ❖ Duy trì vị thế trên thị trường chứng khoán, tiếp tục là công ty chứng khoán được lựa chọn hàng đầu đối với nhà đầu tư bởi Công ty không ngừng dịch chuyển nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhà đầu tư. Định vị rõ ràng ưu thế của MBS trên thị trường, Công ty xác lập mục tiêu phát triển bền vững, đa dạng các nguồn thu nhập song hành với quản trị rủi ro vì quyền lợi và mong muốn đồng hành cùng phát triển bên cạnh khách hàng.
- ❖ Lợi nhuận trước thuế đạt 716 tỷ đồng, mức lợi nhuận cao thứ 2 trong lịch sử hoạt động.
- ❖ Nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, ổn định, hỗ trợ tích cực cho chuyển đổi số toàn hệ thống.
- ❖ Các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn đáp ứng theo quy định pháp luật.
- ❖ Tình hình thanh khoản được đảm bảo tốt, quản trị rủi ro an toàn, không để phát sinh nợ xấu.
- ❖ Tổ chức và con người đoàn kết gắn bó, thực hiện tốt công tác Đảng, công tác chính trị.

KẾ HOẠCH NĂM 2024

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam năm 2024 được dự báo sẽ cải thiện với mức GDP tăng từ 6 - 6,5%, với phương châm hành động “**TĂNG TRƯỞNG NHANH – AN TOÀN BỀN VỮNG**”, MBS quyết tâm hoàn thành các mục tiêu chiến lược với các định hướng hoạt động sau:

1

Dịch chuyển mạnh sang mô hình kinh doanh số.

2

Nâng cao năng lực công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh, tăng tốc chuyển đổi số toàn diện, tăng tiện ích cho khách hàng.

3

Tăng cường phối hợp bán chéo Tập đoàn, quản trị rủi ro chặt chẽ.

4

Chuẩn hóa dữ liệu hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị.

DOANH THU

2.786 tỷ đồng

LỢI NHUẬN

930 tỷ đồng

THỊ PHẦN MÔI GIỚI BÌNH QUÂN

7,5%

Tăng tốc doanh thu đến từ phân khúc khách hàng kênh số:

Tối thiểu 200.000 khách hàng active lũy kế

KẾ HOẠCH NĂM 2024 (Tiếp)

Tăng trải nghiệm khách hàng, mục tiêu TOP3 App được yêu thích nhất.

Tăng quy mô và hiệu quả đầu tư tự doanh.

Triển khai hiệu quả bán chéo Tập đoàn, phù hợp định hướng IB Tập đoàn.

Tập trung nguồn lực triển khai dự án KRX và vận hành hiệu quả hệ thống DC - DR mới.

Năng suất lao động: tăng tối thiểu 15%.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Căn cứ chi trả lương, thù lao, thưởng

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/MBS/ĐHĐCĐ-NQ ngày 21/04/2023.
- Quy chế lương và đãi ngộ của công ty
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy chế khen thưởng, phúc lợi của Công ty

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
1	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT		x		x	x	x
2	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	x			x	x	x
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT		x		x	x	x
4	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên HĐQT		x		x	x	x
5	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập		x		x	x	x
6	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	x			x	x	x
7	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên Ban Kiểm soát		x		x	x	x
8	Bà Lê Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát		x		x	x	x
9	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc	x		x		x	x

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
10	Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
11	Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
12	Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
13	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên Ban Điều hành	x		x		x	x

2. Các khoản lợi ích khác

Chế độ bảo hiểm sức khỏe, chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ du lịch hàng năm, chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, chế độ sử dụng ô tô, chế độ công tác phí theo thực tế phát sinh và các đãi ngộ khác theo quy định nội bộ Công ty.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Nội dung báo cáo

Chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường để cung cấp bức tranh tổng quan về những hoạt động quan trọng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB và các đơn vị trực thuộc Công ty. Nội dung báo cáo có bao gồm các vấn đề trọng yếu mà các bên liên quan quan tâm về chiến lược phát triển bền vững của MBS.

2. Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo

1. Gắn kết các bên liên quan
2. Bối cảnh phát triển bền vững
3. Tính trọng yếu
4. Tính đầy đủ

3. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

1. Tính chính xác: Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
2. Tính cân đối: Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có)
3. Tính rõ ràng: Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
4. Khả năng có thể so sánh: Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
5. Tính kịp thời: Báo cáo được lập vào tháng 3/2024 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

4. Phạm vi và ranh giới của báo cáo

Báo cáo được lập tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư kinh doanh tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS).

Giai đoạn báo cáo: từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023. Báo cáo được công bố trực tuyến tại địa chỉ website www.mbs.com.vn.

5. Thông tin liên hệ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

Phòng Marketing & Truyền thông

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Email: truyenthong@mbs.com.vn

Điện thoại: 024 7304 5688




Địa chỉ: Tầng 7-8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2023

STT	Hạng mục	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
1	Tăng trưởng kinh tế bền vững	Doanh thu	1.826 tỷ đồng	
		Lợi nhuận trước thuế	716 tỷ đồng	
		Nộp ngân sách nhà nước	494 tỷ đồng	
		Cổ tức	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu tỷ lệ 12% và cổ phiếu thưởng 3%.	
		Quan hệ nhà đầu tư	Nhiều lượt gặp gỡ	
2	Phát triển nguồn nhân lực	Hoàn thành số giờ đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo nội bộ: 1.159 giờ. - Tham gia các khóa đào tạo bên ngoài: 17.406 giờ. 	
		Số lượt nhân sự được đào tạo tập trung	2.694 nhân sự	Bao gồm cả nội bộ và tham gia khóa đào tạo bên ngoài.
		Số lượng khóa đào tạo đã triển khai	60 khóa đào tạo	Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng khóa đào tạo nội bộ: 24 khóa - Số lượng khóa đào tạo bên ngoài: 36 khóa
3	Chung tay vì cộng đồng	Công ty và CBNV đóng góp cho cộng đồng	258.780.000 đồng	Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Ủng hộ nạn nhân vụ cháy chung cư Khương Hạ - Hà Nội - Chương trình từ thiện tại Quảng Bình (kết hợp với Khối Treasury – Ngân hàng MB)

			<p>Ngoài ra, với tinh thần: “Một giọt máu cho đi – Một cuộc đời ở lại”, công đoàn MBS đã tuyên truyền và hưởng ứng chương trình hiến máu nhân đạo BEE HERO do Ngân hàng MB tổ chức. Chương trình đã nhận về 852 đơn vị máu đến từ toàn thể CBNV tại MB Group.</p>
	Tạo việc làm	1.731 lao động bao gồm CBNV chính thức và cộng tác viên.	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 615 CBNV - 16 Tập sự, 1.100 Cộng tác viên
	Liên kết với các trường Đại học	6 trường Đại học lớn, uy tín trên cả nước, đặc biệt tại Hà Nội và TP. HCM.	<ul style="list-style-type: none"> - Học viện Tài chính (Hà Nội): 1 chương trình Ngày hội tuyển dụng + 1 chương trình cuộc thi phân tích đầu tư tài chính 2023. - Đại học Ngoại thương (Hà Nội): 1 chương trình MBS company tour. - Đại học Văn Hiến (TP. HCM): 1 chương trình MBS company tour. - Đại học Quốc tế (TP. HCM): 1 chương trình MBS company tour - Học viện Ngân hàng (Hà Nội): 1 chương trình MBS company tour. - Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội: 1 chương trình MBS company tour.
	Tuyển dụng	92 nhân sự 41 Tập sự	<p>Tuyển dụng được kịp thời nhân sự cho các đơn vị trên toàn hệ thống. Ngoài ra còn có lực lượng Tập sự, Thực tập sinh được đào tạo tại Công ty để tạo nguồn nhân sự kế cận.</p>

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

 ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG	 ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	 ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ
<p>Với phương châm “Giải pháp kinh doanh chuyên biệt”, MBS luôn cam kết cung cấp những giải pháp phù hợp với từng đối tượng khách hàng.</p> <p>Trong những năm qua, MBS đã không ngừng mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt tận dụng bán chéo sản phẩm dịch vụ và tận dụng tệp khách hàng của Ngân hàng mẹ MB.</p> <p>Khách hàng của MBS không chỉ được cung cấp sản phẩm dịch vụ của MBS mà còn được cung cấp thêm nhiều giá trị gia tăng từ sản phẩm dịch vụ thuộc Tập đoàn MB. Những giá trị mà MBS mang lại cho khách hàng đã khẳng định vị thế của một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường, tạo niềm tin vững chắc cho khách hàng khi lựa chọn sản phẩm dịch vụ của MBS.</p>	<p>MBS luôn đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động.</p> <p>Với các chính sách nhân sự, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt MBS đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu nhiệt huyết gắn bó với nghề.</p> <p>Chính nhờ sự tiên phong, sáng tạo, kỷ luật, đoàn kết và tận tâm, đội ngũ nhân sự MBS đã đồng hành cùng công ty vượt qua mọi giai đoạn khó khăn để tiếp tục vươn lên gặt hái những thành quả trong giai đoạn phát triển mới</p>	<p>MBS luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN và của các Sở giao dịch chứng khoán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư đồng thời chủ động công bố thông tin quan trọng có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định của nhà đầu tư.</p> <p>Trong năm 2023, MBS thực hiện trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu tỷ lệ 12% và cổ phiếu thưởng 3%.</p>

 ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC	 ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG	 ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN
<p>Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, MBS luôn tuân thủ nguyên tắc hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.</p> <p>Là một trong những công ty chứng khoán thành lập đầu tiên của TTCK Việt Nam, MBS luôn phấn đấu nằm trong TOP các công ty chứng khoán hàng đầu, với uy tín và kinh nghiệm của mình, MBS đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với hàng trăm đối tác. Họ đã, đang và sẽ luôn sẵn sàng đồng hành cùng MBS trên con đường chinh phục những thử thách mới.</p>	<p>Một doanh nghiệp phát triển bền vững không thể tách rời các lợi ích chung của xã hội. Chính vì thế MBS đã xác định trách nhiệm của mình đối với hoạt động xác hội cộng đồng.</p> <p>Quý từ thiện “Trái tim MBS” được thành lập đã là cầu nối để tấm lòng của CBNV MBS đến được với những hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn, bất hạnh, chung tay mang lại những điều tốt đẹp, ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội. Dịch bệnh Covid ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của doanh nghiệp nhưng MBS vẫn tổ chức các chương trình từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hướng đến xây dựng thương hiệu nhân văn, thân thiện với cộng đồng.</p>	<p>MBS tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chuẩn hiện hành của pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước đầy đủ.</p> <p>MBS đã xây dựng và tăng cường mối quan hệ tốt với các Bộ, Ban, Ngành nhưng không lợi dụng mối quan hệ này để đạt lợi ích bất chính.</p>
<div style="text-align: center;">  ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG </div> <p>MBS xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với báo chí trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp.</p> <p>Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp cơ quan báo chí, truyền thông có được những thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài ra, MBS cũng chú trọng xây dựng các cơ chế xử lý khủng hoảng truyền thông, bình tĩnh đính chính các thông tin sai lệch cũng như đưa ra những phát ngôn khéo léo và chuẩn mực trước cơ quan báo đài.</p>		

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

MBS đã xây dựng cơ chế hiệu quả nhằm tăng cường quá trình trao đổi thông tin. Các kênh tương tác được thiết lập và củng cố đảm bảo tính chủ động, đầy đủ, sâu sát, kịp thời trong việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan, làm cơ sở cho việc cải tiến, phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng bền vững.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ	<ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ thường niên. - Website MBS. - Fanpage MBS. - Fanpage MBS Online. - Youtube MBS. - Gặp gỡ trực tiếp. - Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh tốt. - Thông tin minh bạch, rõ ràng, kịp thời và chính xác. - Năng lực quản trị Công ty tăng. - Giá trị Công ty tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư có chiều sâu vào hoạt động truyền thông, marketing - Thực hiện chi trả cổ tức. - Hoàn thiện hệ thống Quản trị Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu năm 2023 đạt 1.826 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế đạt 716 tỷ đồng.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
KHÁCH HÀNG	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ nhân viên dịch vụ ngân hàng đầu tư, môi giới, tư vấn. - Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch, tại trụ sở của đối tác... - Hội nghị tri ân khách hàng. - Tổng đài Contact24. - Website, facebook, youtube, email - Hội thảo chuyên ngành. - Chương trình khảo sát khách hàng/ thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng dịch vụ tốt, giá/phí cạnh tranh. - Địa điểm giao dịch thuận tiện. - Giao dịch thuận tiện, an toàn, bảo mật đặc biệt trên nền tảng số. - Nhân viên thân thiện, nhiệt tình, tận tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao trình độ đội ngũ broker và nghiệp vụ quầy giao dịch. - Nâng cao chất lượng các hội thảo chuyên môn, các báo cáo phân tích, khuyến nghị đầu tư. - Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. - Đầu tư hạ tầng cơ sở, thường xuyên nâng cấp phần mềm giao dịch. - Tổ chức tri ân khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - App MBS - công cụ giao dịch chứng khoán hiện đại và thông minh trên thiết bị di động luôn được bổ sung, cập nhật tính năng mới. - Phần mềm giao dịch S24 được nâng cấp liên tục, tối ưu hiệu suất, tốc độ và trải nghiệm người dùng; Tăng độ bảo mật cho QR code để bảo vệ thông tin cá nhân và tài khoản của người dùng. - Đội ngũ broker được đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm. - Đẩy mạnh các chương trình bán, phát triển các gói dịch vụ đa dạng, linh hoạt, phù hợp với khẩu vị đầu tư của từng khách hàng. - Tăng cường thực hiện các cuộc khảo sát để hiểu rõ nhu cầu và mong muốn của khách hàng từ đó xây dựng và điều chỉnh các tính năng và sản phẩm cho phù hợp.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CƠ QUAN QUẢN LÝ	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc trực tiếp. - Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Cơ quan quản lý tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành. - Tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. - Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các văn bản về chính sách, quy chế và tích cực tham gia hoạt động của cơ quan quản lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Năm 2023 nộp ngân sách Nhà nước hơn 494 tỷ đồng.
CÁC HIỆP HỘI	<p>Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam tổ chức.</p>	<p>Là thành viên tích cực của Hiệp hội.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tích cực vào hoạt động của Hiệp hội. - Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với các Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. - Tham gia đầy đủ các hội thảo, hội nghị do Hiệp hội tổ chức và/hoặc chỉ đạo tham dự. - Được Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán Việt Nam ghi nhận là một trong những thành viên tích cực nhất trong hoạt động của Hiệp hội.
BÁO CHÍ	<ul style="list-style-type: none"> - Các hội thảo, hoạt động do các cơ quan báo chí tổ chức. - Tổ chức gặp mặt và giao lưu gắn kết. - Duy trì trao đổi thông tin qua email và các nền tảng xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có cơ chế tiếp cận thông tin về hoạt động của Công ty nhanh chóng. - Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động cập nhật thông tin cho cơ quan báo chí. - Cung cấp thông tin chuyên ngành cho cơ quan báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia trả lời phỏng vấn trên báo giấy, báo online và xuất hiện trên truyền hình VTV. - Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt với cơ quan truyền thông, báo chí.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
<p>NGƯỜI LAO ĐỘNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Khối Nhân sự, Công đoàn. - Thông qua quản lý trực tiếp. - Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. - Thông qua lễ sơ kết, tổng kết thường niên. - Thông qua hoạt động nghỉ mát, kỷ niệm sinh nhật công ty, phong trào thể thao. - Thông qua các sự kiện nội bộ: 8/3, 1/6, trung thu, 20/10... - Thông qua các chương trình Về nguồn, các chương trình xã hội cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công việc ổn định. - Môi trường làm việc thân thiện. - Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng. - Chính sách phúc lợi đầy đủ và được đảm bảo. - Có chính sách đào tạo và cơ hội phát triển, thăng tiến. - Được quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. - Được ghi nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm ổn định, mở rộng cơ hội việc làm thông qua mở rộng sản phẩm dịch vụ kinh doanh và tuyển dụng nhân sự mới. - Chi trả thu nhập ổn định, thu nhập gắn với hiệu quả công việc để tạo động lực cho người lao động. - Định kỳ rà soát chính sách lương thưởng phù hợp với thị trường. - Ban hành và thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, hỗ trợ thể chất... - Tăng ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, tổ chức kiểm tra kiến thức chuyên môn định kỳ. - Xây dựng các chương trình thi đua thúc đẩy kinh doanh. - Tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng (công đoàn, 	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2023, số lượng CBNV mới được tuyển dụng là 92 người. - Thực hiện trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh đúng hạn, lương bình quân của người lao động năm 2023 có tăng trưởng so với năm 2022 trong điều kiện thị trường chứng khoán diễn biến phức tạp, có nhiều khó khăn. - Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. - Tiếp tục duy trì mua Bảo hiểm sức khỏe cho CBNV với các quyền lợi được mở rộng và gia tăng thêm so với năm 2022. - Trong năm 2023, 26 đơn vị và 139 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng. - Tổng số lượt đào tạo trung bình/ người tăng 36% so với năm 2022. - Phát động chương trình thi đua kinh doanh tại các Chi nhánh.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
			đoàn thanh niên, hội phụ nữ) phát huy vai trò xây dựng môi trường văn hóa thân thiện.	
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI	Tiếp xúc trực tiếp với người dân và chính quyền địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Góp phần giúp đỡ những người hoạn nạn. - Góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn, vùng sâu, vùng xa. - Góp phần tạo ngân hàng máu giúp đỡ bệnh nhân. 		<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ủng hộ nạn nhân vụ cháy chung cư Khương Hạ - Hà Nội: 208.780.000 đồng - Chương trình từ thiện tại Quảng Bình (kết hợp với Khối Treasury – Ngân hàng MB): 50.000.000 đồng. <p>Ngoài ra, với tinh thần: “Một giọt máu cho đi – Một cuộc đời ở lại”, công đoàn MBS đã tuyên truyền và hưởng ứng các chương trình hiến máu nhân đạo. Tại chương trình hiến máu BEE HERO, công đoàn viên MBS đã tham gia cùng đông đảo CBNV trong Tập đoàn MB, Chương trình đã nhận về 852 đơn vị máu đến từ toàn thể CBNV tại MB Group.</p>

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

1. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

- Kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc trong năm 2023:
 - + Tổng doanh thu năm 2023 đạt 1.826 tỷ đồng, bằng 92% so với năm 2022, hoàn thành 68% kế hoạch cả năm 2022.
 - + Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 716 tỷ đồng, bằng 80% kế hoạch cả năm, tương đương 108% so với năm 2022.
- Các hoạt động kinh doanh cốt lõi tại MBS:
 - + Hoạt động Môi giới tăng tốc chuyển đổi số, tỷ lệ khách hàng giao dịch trên các nền tảng số đạt 98%.
 - + Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – IB nâng cao uy tín, mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm.
 - + Hoạt động đầu tư vượt trội, giữ vững uy tín và vai trò tiên phong thị trường về triển khai các sản phẩm mới.
- Hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu với thông tin và chất lượng tư vấn tốt.
- Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hấp dẫn khách hàng.
- Quản trị rủi ro thông minh, xác lập cơ chế tự quản trị và thiết lập các vòng bảo vệ chắc chắn.

Tóm lại:

MBS luôn duy trì vị thế và có sự tăng trưởng về thị phần, lợi nhuận trên thị trường chứng khoán, tiếp tục là công ty chứng khoán được lựa chọn hàng đầu đối với nhà đầu tư bởi Công ty không ngừng dịch chuyển nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhà đầu tư, tăng trải nghiệm khách hàng.

Định vị rõ ràng ưu thế của MBS trên thị trường, Công ty xác lập mục tiêu phát triển bền vững, đa dạng các nguồn thu nhập song hành với quản trị rủi ro vì quyền lợi và mong muốn đồng hành cùng phát triển bên cạnh khách hàng.

2. NĂNG LƯỢNG, CHẤT THẢI, NƯỚC THẢI, MÔI TRƯỜNG

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, các hoạt động của MBS không gây tác động trực tiếp đến môi trường nhưng MBS luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động nội bộ bằng nhiều hình thức: tổ chức các cuộc thi Sáng kiến cải tiến trong đó có nội dung về tiết kiệm điện, nước, tái sử dụng giấy văn phòng. MBS tuân thủ quy định về phân loại rác thải và xử lý nước thải của các Ban quản lý tòa nhà.

Trong năm 2023, MBS luôn tuân thủ quy định về môi trường, thường xuyên đặt cây xanh trong văn phòng để tạo môi trường xanh, tái sử dụng giấy một mặt, phân loại rác thải nhựa...

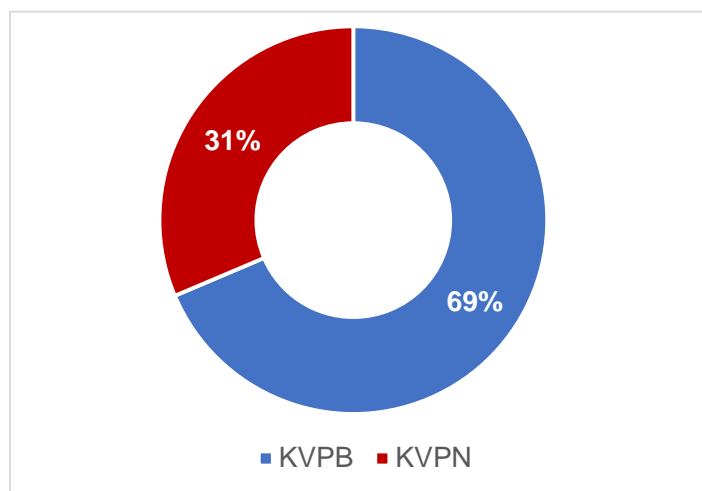
3. VIỆC LÀM

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, các hoạt động của MBS không gây tác động trực tiếp đến môi trường nhưng MBS luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động nội bộ bằng nhiều hình thức: truyền thông ý thức tiết kiệm điện, nước, tái sử dụng giấy văn phòng. Trong năm 2023, MBS luôn tuân thủ quy định về môi trường, thường xuyên đặt cây xanh trong văn phòng để tạo môi trường xanh, tái sử dụng giấy một mặt...

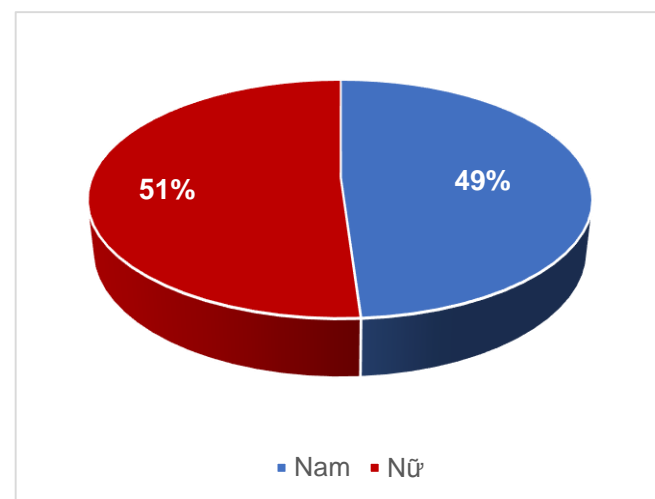
Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	SL CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV Công ty
Khu vực		
Miền bắc	422	68,6%
Miền nam	193	31,4%
Giới tính		
Nam	301	49%
Nữ	314	51%

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	SL CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV Công ty
Nhóm tuổi		
Dưới 25 tuổi	57	9,3%
Từ 25 tuổi - dưới 30 tuổi	205	33,3%
Từ 30 tuổi - dưới 40 tuổi	248	40,3%
Từ 40 tuổi trở lên	105	17,1%

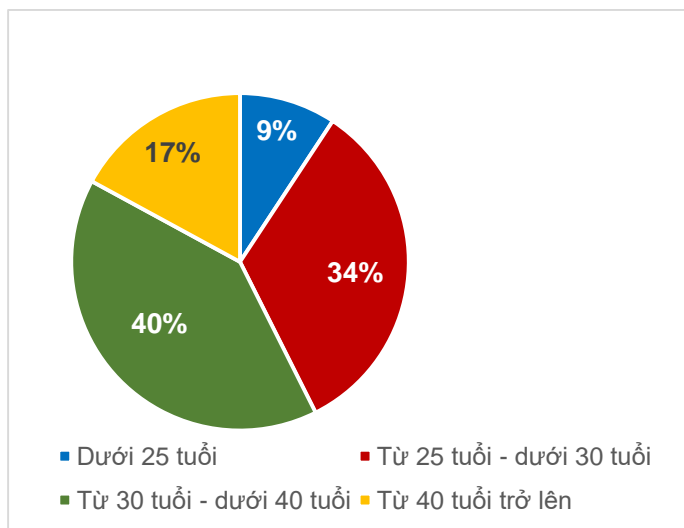
Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	SL CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV Công ty
Trình độ đào tạo		
Trên đại học	46	7,5%
Đại học	553	89,9%
Cao đẳng + khác	16	2,6%
Cấp quản lý		
Cấp cao	24	3,9%
Cấp trung	56	9,1%
Nhân viên	535	87,0%



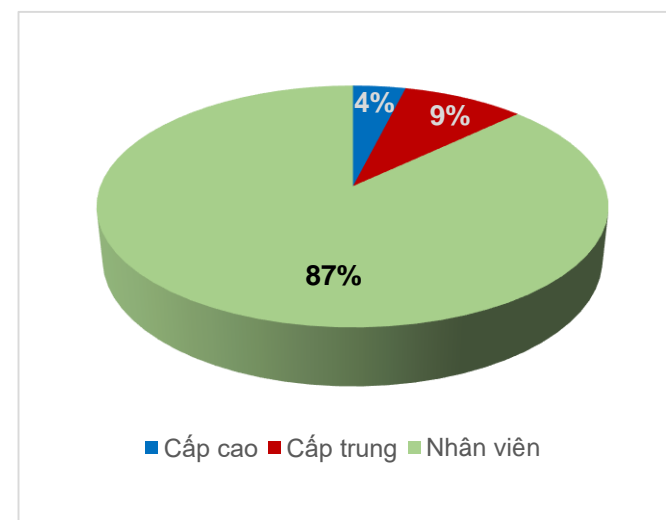
Cơ cấu lao động phân theo khu vực địa lý



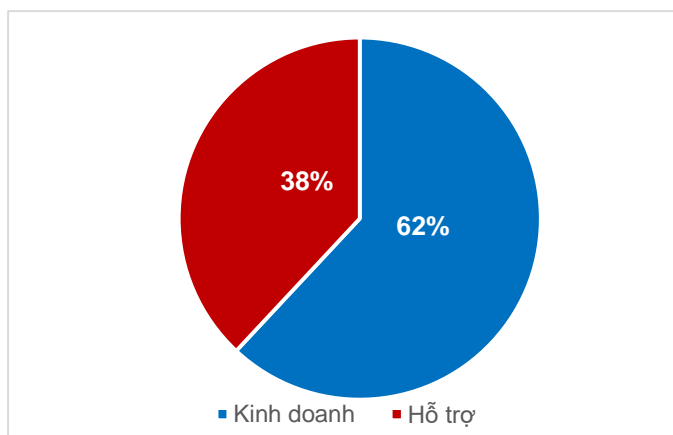
Cơ cấu lao động phân theo giới tính



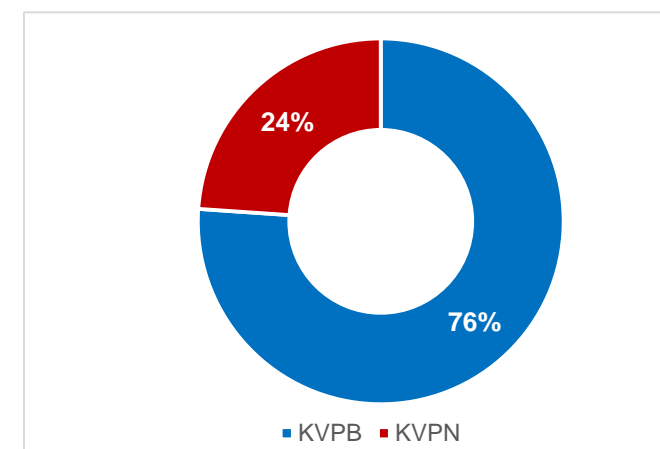
Cơ cấu lao động phân theo độ tuổi



Tỷ lệ cán bộ quản lý trên tổng CBNV



Cơ cấu lao động phân theo đơn vị



Cơ cấu lao động tuyển mới phân theo đơn vị

Thu hút nhân sự giỏi và khơi gợi đam mê công hiến

Năm 2023, MBS đẩy mạnh phát triển kinh doanh số, công nghệ hóa quy trình làm việc, tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và hiệu suất lao động theo mục tiêu chiến lược cùng với chế độ đãi ngộ phong phú, thu nhập gắn với năng suất lao động.

Trong công tác tuyển dụng, MBS không ngừng đa dạng hóa các kênh tuyển dụng cũng như thay đổi phương thức tiếp cận nguồn nhân lực. Hình ảnh thương hiệu tuyển dụng của MBS ngày càng được đánh giá chuyên nghiệp, uy tín trong mắt ứng viên, đối tác và khách hàng. MBS đã thu hút được nhân sự tại các vị trí chủ chốt, giữ chân và ổn định đội ngũ nhân sự nòng cốt.

Bên cạnh đó, những chương trình hợp tác thường xuyên với các trường đại học lớn tại Hà Nội và TP. HCM cũng mở ra nhiều cơ hội tìm kiếm ứng viên tiềm năng cho MBS.

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Tại MBS, chế độ bảo hiểm cho người lao động được thực hiện đầy đủ, các chính sách phúc lợi thường xuyên được rà soát để đảm bảo người lao động được quan tâm một cách tối đa. Đây cũng là một yếu tố cạnh tranh trên thị trường lao động.

❖ Chế độ cho lao động nữ, chế độ thai sản, ốm đau:

Lao động nữ được nghỉ thai sản 6 tháng theo Luật lao động và khi quay trở lại làm việc được nghỉ 1 tiếng/ngày trong thời gian con dưới 12 tháng tuổi. Lao động nam được nghỉ thai sản theo chế độ từ 5 - 14 ngày vợ sinh con. Người lao động tại MBS có thể yên tâm nghỉ ngơi, chăm sóc con cái, phục hồi sức khỏe sau sinh... Các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng sức... được MBS tạo điều kiện nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động.

❖ Các chính sách bảo hiểm:

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật lao động, MBS đã triển khai mua bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ nhân viên và các quyền lợi liên tục được mở rộng và gia tăng để bảo vệ quyền lợi của Người lao động một cách tối ưu.

MBS cũng triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ nhân viên với danh mục khám thiết thực, bổ sung các xét nghiệm cần thiết nhằm phát hiện sớm các bệnh nguy hiểm như một số bệnh ung thư phổ biến (ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư tuyến giáp...), đốm sừng cổ, thất lưng và viêm gan B...

Hàng năm, MBS cũng trích ngân sách tặng quà, hỗ trợ các cán bộ nhân viên bị bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu, sẻ chia gánh nặng và khích lệ tinh thần cán bộ nhân viên yên tâm công tác.

Giáo dục và đào tạo

Năm 2023, MBS tiếp tục triển khai được nhiều chương trình đào tạo cho cán bộ nhân viên nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Cụ thể, MBS đã triển khai được 24 khóa đào tạo nội bộ, 36 khóa đào tạo bên ngoài. Tổng số giờ đào tạo năm 2023 đã tăng 48% so với năm 2022:

Đào tạo nội bộ (giờ)	Đào tạo bên ngoài (giờ)	Tổng số giờ đào tạo (giờ)	Số giờ đào tạo trung bình (giờ)
1.159	17.406	18.925	30.28

MBS cũng hợp tác với các trường đại học trên cả nước để tổ chức các chương trình, tạo sân chơi cho các bạn sinh viên và gia tăng kiến thức, kỹ năng thực tế tại doanh nghiệp. Đồng thời liên kết với các trung tâm đào tạo để tổ chức các chương trình đào tạo kiến thức chuyên môn và kỹ năng cho CBNV.

Bên cạnh việc đào tạo, MBS tiếp tục phát triển văn hóa đọc cho CBNV bằng cách duy trì hệ thống Tủ sách tại các trụ sở, chi nhánh Công ty.

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

❖ Không phân biệt đối xử:

Tại MBS, con người được đối xử công bằng và bình đẳng, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe. MBS cũng luôn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tuyển dụng, giao việc, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm... Lao động nữ tại MBS chiếm 51% tổng số lao động và 43% tổng số cán bộ quản lý. Lao động nữ tại MBS luôn được quan tâm, tạo điều kiện để phát triển nghề nghiệp, ổn định cuộc sống. MBS luôn coi trọng bình đẳng giới trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

❖ Công bằng trong đánh giá, khen thưởng và ghi nhận thành tích:

Đây là một trong những yếu tố quan trọng để tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty. Chính vì thế nội dung này luôn được Ban lãnh đạo công ty chú trọng, thể hiện qua việc:

- Giao mục tiêu công việc/ kế hoạch kinh doanh từ đầu năm một cách rõ ràng theo tiêu chí SMART tới từng đơn vị, phòng ban và cá nhân người lao động. Mục tiêu được giao căn cứ trên cơ sở mục tiêu chung của công ty.
- Định kỳ, Công ty đánh giá kết quả thực hiện công việc dựa trên kết quả kinh doanh, kết quả làm việc của người lao động.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty sẽ trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh cho người lao động. Thông qua kết quả này, Công ty cũng đánh giá được các chương trình đào tạo cần tập trung cho người lao động để phát huy thế mạnh hoặc bù đắp thiếu hụt cũng như quy hoạch nhân sự nguồn cho Công ty.

Cộng đồng

Hoạt động từ thiện xã hội luôn được MBS quan tâm và thực hiện thường xuyên. Hàng năm, quỹ từ thiện “Trái tim MBS” đã tổ chức các chương trình từ thiện để chia sẻ khó khăn và góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn ở vùng sâu, vùng xa. Trong nhiều năm qua, Quỹ Trái tim MBS đã đặt chân tới nhiều nơi, mang tình cảm và sự chia sẻ tới người dân ở các tỉnh vùng núi phía bắc, miền trung và cả những tỉnh khó khăn phía nam như Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang, Quảng Bình, Bình Phước, Phú Yên...

Hoạt động tri ân, tặng quà cho các thương binh liệt sỹ là người thân của CBNV Công ty cũng là một trong những hoạt động ý nghĩa được tổ chức thường niên tại MBS. Ngoài ra, MBS còn quan tâm tới đời sống của CBNV, hàng năm Công đoàn công ty đều thăm hỏi và có phần quà gửi tặng những CBNV không may bị mắc bệnh hiểm nghèo, gặp hoàn cảnh khó khăn...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, MBS luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của MBS. Trong đó, mục tiêu kinh tế được xem là mục tiêu quan trọng tiên quyết hàng đầu vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần và đủ để thực hiện tiếp nối các mục tiêu xã hội, môi trường.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, MBS thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa MBS với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Duy trì và ổn định hệ thống

Trước tính cạnh tranh ngày càng cao trên thị trường, đặc biệt khi công nghệ liên tục phát triển, MBS đã nhanh chóng lựa chọn hướng đi phù hợp với hoàn cảnh mới, đó là: kiến toàn bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và phát triển các sản phẩm công nghệ, đáp ứng nhu cầu và xu thế chung của toàn xã hội. Do vậy, nguồn nhân lực được tối ưu hóa, chế độ và phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên vẫn được đảm bảo, đồng thời hoạt động kinh doanh số đạt được những kết quả tích cực.

Quản trị rủi ro

MBS là công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ đầu tư tài chính. Mục tiêu Quản trị rủi ro của MBS là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư kinh doanh, tư vấn, môi giới... bảo đảm với mức chi phí hợp lý và sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động này, hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản trị rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Phòng Quản trị rủi ro MBS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo Công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với thị trường biến động liên tục. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro, MBS còn thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ kinh doanh để hạn chế tối đa rủi ro phát sinh.

Con người

Đặt con người là trọng tâm, MBS thường xuyên rà soát các chính sách tuyển dụng, lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt để thu hút và giữ chân nhân tài. Các hoạt động đào tạo cũng được chú trọng về chiều sâu bao gồm chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết cho công việc. Trên cơ sở đó, MBS đầu tư đào tạo đội ngũ nhân sự kế cận từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội phấn đấu cho người lao động phát huy thế mạnh, tận tâm cống hiến và gắn bó.

Ngoài ra, tại MBS, văn hóa nội bộ cũng được chú trọng phát triển nhằm tạo tinh thần và không khí làm việc vui vẻ, xây dựng một môi trường năng động, trẻ trung và gắn kết.

Sản phẩm và Công nghệ

Ngoài tiếp tục duy trì và nâng cấp các phần mềm giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh, MBS không ngừng cải tiến và nghiên cứu các sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng đa dạng của khách hàng và nhà đầu tư như: liên tục bổ sung và cập nhật tính năng phần mềm giao dịch trên điện thoại App MBS và phần mềm giao dịch chứng khoán trên máy tính S24; Bảng giá thông minh Plus24 được cập nhật nhiều tính năng nổi trội. Ngoài các sản phẩm tài chính do MBS cung cấp, khách hàng còn được tiếp cận và gia tăng tiện ích với hàng loạt các sản phẩm tài chính khác như: ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản... của Tập đoàn MB.

Quan hệ Nhà đầu tư

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu; Bộ phận Quản lý Cổ đông tiếp tục đóng vai trò là chiếc cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và cổ đông. Năm 2023, MBS thực hiện hàng trăm lượt trao đổi với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước ngoài để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tiếp xúc và thảo luận với các bên liên quan thông qua các cuộc họp nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích các bên liên quan.

Tăng trưởng kinh tế bền vững

2023 là năm đánh dấu những con số nổi bật về kết quả hoạt động kinh doanh của MBS kể từ khi thành lập khi lợi nhuận cao thứ hai lịch sử phát triển. Tuy đối diện với sự cạnh tranh khốc liệt trong điều kiện thị trường công nghệ phát triển liên tục, con người MBS vẫn luôn kiên định, vững vàng vượt qua mọi khó khăn, đồng thời không ngừng sáng tạo, nắm bắt thời cơ, nhanh chóng tìm ra những hướng đi mới để thích nghi với mọi hoàn cảnh.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

THÔNG TIN CHUNG

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 112/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2022 Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là GPĐCKDCK số 112/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 11 năm 2022.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	0106393583 ngày 6 tháng 1 năm 2023 Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 1 năm 2023.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch
	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch (từ ngày 21/4/2023)
	Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch (đến ngày 21/4/2023)
	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập (từ ngày 21/4/2023)
	Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT độc lập (đến ngày 21/4/2023)
	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên
	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên (từ ngày 21/4/2023)

Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban
	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên
	Bà Lê Thu Trang	Thành viên (từ ngày 21/4/2023)
	Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên (đến ngày 21/4/2023)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc
	Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/9/2023)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tầng 7 và 8, Tòa nhà MB Số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty Kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 74 đến trang 173 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Phan Phương Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 2 năm 2024, được trình bày từ trang 74 đến trang 173.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 2 năm 2023.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00201-24-3



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 2 năm 2024

Lê Nhật Vương
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 130)	100		14.673.785.853.603	9.739.510.880.503
I. Tài sản tài chính	110		14.653.942.454.462	9.704.969.881.216
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	571.249.283.464	194.935.879.341
1.1. Tiền	111.1		441.249.283.464	24.935.879.341
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		130.000.000.000	170.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	8(a)	1.122.927.028.267	2.611.500.872.106
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	8(b)	2.322.623.532.176	1.623.292.939.025
4. Các khoản cho vay	114	8(c)	9.218.483.030.175	3.759.499.832.736
5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	8(d)	1.261.568.020.233	1.389.980.915.859
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8(f)	(82.554.833.496)	(82.583.086.500)
7. Các khoản phải thu	117	9	231.545.521.630	160.510.533.957
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	9	231.545.521.630	160.510.533.957
7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận, các khoản đầu tư đáo hạn	117.3	9	18.938.175.105	64.711.196.146
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	9	212.607.346.525	95.799.337.811
8. Trả trước cho người bán	118	10	7.244.255.581	38.016.988.078
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	11	8.185.032.933	12.529.942.656
12. Các khoản phải thu khác	122	12	6.141.214.423	3.520.822.211
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	13	(13.469.630.924)	(6.235.758.253)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		19.843.399.141	34.540.999.287
1. Tạm ứng	131		2.470.035.093	4.055.032.198
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		416.842.037	398.983.654
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	14	1.848.992.789	14.317.396.673
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	15	15.090.000.000	15.090.000.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	171.369.547
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	24	17.529.222	508.217.215

B.	TÀI SẢN DÀI HẠN				
	(200 = 210 + 220 + 250)	200		651.339.586.365	901.858.808.054
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		327.320.000.000	595.320.000.000
2.	Các khoản đầu tư	212		327.320.000.000	595.320.000.000
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	8(b)	327.320.000.000	595.320.000.000
II.	Tài sản cố định	220		206.786.906.897	191.399.572.741
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	16	162.412.667.661	135.437.786.039
	- Nguyên giá	222		308.812.794.289	245.016.676.826
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(146.400.126.628)	(109.578.890.787)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	17	44.374.239.236	55.961.786.702
	- Nguyên giá	228		105.202.602.066	97.212.152.066
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(60.828.362.830)	(41.250.365.364)
V.	Tài sản dài hạn khác	250		117.232.679.468	115.139.235.313
1.	Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	1.370.526.750	2.251.002.180
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	18	76.659.574.139	82.608.405.477
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		9.051.997.999	149.646.922
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	19	20.000.000.000	20.000.000.000
5.	Tài sản dài hạn khác	255	20	10.150.580.580	10.130.180.734
	TỔNG TÀI SẢN	270		15.325.125.439.968	10.641.369.688.557
	(270 = 100 + 200)				

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		10.286.928.941.374	6.156.337.241.100
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		9.880.737.830.263	5.784.183.853.340
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	21	9.598.508.546.852	5.431.701.897.490
1.1 Vay ngắn hạn	312		9.598.508.546.852	5.431.701.897.490
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	22	14.556.093.607	12.125.853.104
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	23	16.250.539.155	30.976.908.715
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		2.171.002.000	2.341.002.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	24	76.712.883.674	94.048.324.716
11. Phải trả người lao động	323		7.284.861.104	6.717.922.218
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		2.815.463.220	1.931.159.790
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	25	98.478.625.384	137.362.882.393
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		879.612.906	402.265.880
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		4.828.606.935	23.961.919.090
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		58.251.595.426	42.613.717.944
II. Nợ phải trả dài hạn	340		406.191.111.111	372.153.387.760
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	26	406.191.111.111	371.977.777.780
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	175.609.980

D	VỐN CHỦ SỞ HỮU				
	(400 = 410)		400		5.038.196.498.594
					4.485.032.447.457
I.	Vốn chủ sở hữu		410		5.038.196.498.594
					4.485.032.447.457
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	27	4.375.946.418.400
					3.805.177.668.400
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu		411.1		4.376.699.930.000
					3.805.931.180.000
a.	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411.1a		4.376.699.930.000
					3.805.931.180.000
1.5.	Cổ phiếu quỹ		411.5		(753.511.600)
					(753.511.600)
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		414		-
					69.328.039.314
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		415		24.516.764.528
					69.318.055.214
6.	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		416		1.625.982.305
					1.625.982.305
7.	Lợi nhuận chưa phân phối		417		636.107.333.361
					539.582.702.224
7.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		417.1		618.419.678.969
					541.617.289.913
7.2	Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện		417.2		17.687.654.392
					(2.034.587.689)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		15.325.125.439.968
	(440 = 300 + 400)				10.641.369.688.557

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (VND)	002	28(a)	9.883.660.000	9.883.660.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004	28(b)	536.256.334.418	543.598.780.096
5. Ngoại tệ các loại	005	28(c)		
USD			88	-
JPY			868	780
6. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	006	27(c)	437.639.552	380.562.677
7. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	007	27(c)	30.441	30.441
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSD") của công ty chứng khoán (VND)	008	28(d)	541.483.010.000	13.127.170.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	009		304.410.000	304.410.000
10. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán (VND)	010		6.510.000.000	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán (VND)	012	28(e)	60.545.580.000	60.545.580.000
14. Chứng quyền (Số lượng)	014		22.818.800	25.972.700
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	28(f)	42.392.801.734.000	37.158.761.740.000
<i>a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>		<i>23.569.969.732.000</i>	<i>23.812.915.010.000</i>
<i>b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>		<i>356.113.530.000</i>	<i>805.763.860.000</i>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		13.126.990.692.000	8.906.599.130.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		4.497.203.630.000	3.188.513.920.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		842.524.150.000	444.969.820.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	28(g)	420.574.790.000	311.647.610.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		305.770.770.000	61.335.830.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		114.804.020.000	250.311.780.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	28(h)	1.057.676.880.000	354.309.850.000
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b	28(i)	858.240.000	858.240.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		4.232.508.528.453	3.079.468.867.120
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027	28(j)	4.030.799.136.248	2.383.039.436.763
7.1.a. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	027.1	28(j)	133.652.638.234	275.108.866.747
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	28(j)	192.365.811.559	420.477.813.704
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	28(k)	9.343.580.646	842.749.906
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	28(l)	4.223.164.947.807	3.078.626.117.214
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		4.169.044.841.594	3.057.773.916.524

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.2		54.120.106.213	20.852.200.690
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032	28(m)	9.218.062.364	30.676.364
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	28(n)	125.518.282	812.073.542

Ngày 21 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		140.863.659.943	226.222.334.152
a. Lãi từ bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	29	130.371.121.731	165.318.601.292
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	31	10.115.139.519	(3.244.779.493)
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	32(a)	374.770.890	71.483.739.144
d. Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền	01.4	31	2.627.803	(7.335.226.791)
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	32(b)	180.795.295.137	121.946.607.069
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	32(c)	664.739.708.137	767.597.558.403
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	32(d)	149.791.280.718	1.590.600.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	33	614.616.030.508	716.773.377.582
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	2.759.000.000
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		21.420.350.180	21.678.432.231
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	34	17.213.525.000	36.015.349.781
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	35	26.518.904.285	63.780.295.338
Cộng doanh thu hoạt động	20		1.815.958.753.908	1.958.363.554.556
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		31.082.486.054	92.565.258.901
a. Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	30	30.579.771.037	91.838.723.944
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	31	(711.158.025)	(1.343.171.137)
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		1.204.838.699	2.068.709.466
d. Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	21.4		9.034.343	996.628
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24		7.494.275.464	-

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
2.6		Chi phí hoạt động tự doanh	25.632.759.929	44.184.672.018
2.7.		Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	479.006.017.680	539.113.668.921
2.8		Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	18.571.699	836.614.367
2.9.		Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	5.261.770.534
2.10.		Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	20.241.000.641	20.436.625.833
2.11.		Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	8.087.986.418	21.350.753.872
2.12.		Chi phí hoạt động khác	(61.655.812)	2.137.020.025
	40	Cộng chi phí hoạt động	571.501.442.073	725.886.384.471
III DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1		Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	168.000.000	2.821.974.887
3.2.		Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	4.674.888.649	4.436.434.604
	50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	4.842.888.649	7.258.409.491
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1		Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	2.827.138.486	5.657.866.600
4.2		Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	369.768.492.617	393.221.026.423
	60	Cộng chi phí tài chính	372.595.631.103	398.878.893.023

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		3.217.556.576	4.699.039.909
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	40	162.451.132.158	187.503.478.286
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 61 - 62)	70		711.035.880.647	648.654.168.358
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	41	5.591.876.492	12.011.918.906
8.2. Chi phí khác	72		480.967.426	97.244.606
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		5.110.909.066	11.914.674.300
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (mang sang trang sau)	90		716.146.789.713	660.568.842.658
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (mang sang từ trang trước)	90		716.146.789.713	660.568.842.658
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		705.326.898.709	669.806.674.433
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		10.819.891.004	(9.237.831.775)
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	100		132.130.399.382	146.363.189.422
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	42	141.032.750.459	148.210.755.777
10.2. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	42	(8.902.351.077)	(1.847.566.355)

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
XI.	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		584.016.390.331	514.205.653.236
XIII.	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
					(Điều chỉnh lại)
13.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	43	1.254	1.257

Ngày 21 tháng 2 năm 2024

Người lập:



Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:



Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023_Mẫu B03b - CTCK
(Phương pháp gián tiếp)

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **2023**

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	01		716.146.789.713	660.568.842.658
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		203.064.654.471	276.272.815.858
- Khấu hao tài sản cố định	03		57.668.969.763	44.249.438.254
- Các khoản dự phòng	04		7.205.619.667	2.134.860.025
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	(2.821.974.887)
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	06		369.768.492.617	393.221.026.423
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(32.905.946)	-
- Dự thu tiền lãi	08		(231.545.521.630)	(160.510.533.957)
3. Tăng/(giảm) các chi phí phi tiền tệ	10		(702.123.682)	(1.342.174.509)
- Lỗ đánh giá lại giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11		(702.123.682)	(1.342.174.509)
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(10.117.767.322)	10.580.006.284
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19		(10.117.767.322)	10.580.006.284
5. Thay đổi vốn lưu động	30		(4.660.074.733.777)	(588.246.299.822)
- Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL	31		1.499.400.141.383	(891.054.615.654)
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(431.330.593.151)	(624.197.900.000)
- (Tăng)/giảm các khoản cho vay	33		(5.458.983.197.439)	3.391.789.343.557
- Giảm/(tăng) tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34		128.412.895.626	(1.272.031.058.357)
- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	3.002.354.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023_Mẫu B03b - CTCK
(Phương pháp gián tiếp)**

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **2023**

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		160.510.533.957	80.217.061.221
- Giảm các khoản phải thu về các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		4.344.909.723	8.459.371.308
- Giảm các khoản phải thu khác	39		32.294.865.621	5.286.054.598
- (Tăng)/giảm các tài sản khác	40		(1.053.253.490)	755.556.936
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		6.922.725.003	70.708.450.657
- Tăng chi phí trả trước	42		18.417.235.222	10.312.726.363
- Thuế TNDN đã nộp	43		(152.703.874.612)	(120.897.858.997)
- Lãi vay đã trả	44		(337.806.960.611)	(409.817.342.067)
- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán	45		(15.071.979.540)	10.512.924.398
- Tăng/(giảm) các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		884.303.430	(2.931.530.147)
- Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(5.664.316.889)	(19.596.398.598)
- Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		566.938.886	(10.891.699.356)
- Giảm phải trả, phải nộp khác	50		(109.215.106.896)	(817.871.739.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(3.751.683.180.597)	357.833.190.469
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(73.089.860.121)	(113.916.688.278)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		66.462.148	759.885.104
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(73.023.397.973)	(113.156.803.174)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023_Mẫu B03b - CTCK
(Phương pháp gián tiếp)

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **2023**

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	1.129.747.940.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	(91.404.800)
3. Tiền vay gốc	73		52.639.893.836.214	13.688.383.972.494
3.2. Tiền vay khác	73.2		52.639.893.836.214	13.688.383.972.494
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(48.438.873.853.521)	(14.986.100.000.000)
4.3. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3		(48.438.873.853.521)	(14.986.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		4.201.019.982.693	(168.059.492.306)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90		376.313.404.123	76.616.894.989
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101		194.935.879.341	118.318.984.352
Tiền	101.1		24.935.879.341	91.018.984.352
Các khoản tương đương tiền	101.2		170.000.000.000	27.300.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	103	6	571.249.283.464	194.935.879.341
Tiền	103.1		441.249.283.464	24.935.879.341
Các khoản tương đương tiền	103.2		130.000.000.000	170.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	204.883.829.405.670	224.964.387.550.753
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(209.033.232.369.430)	(222.373.311.637.508)
7. Nhận/ (chi trả) tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	5.308.417.160.322	(3.149.552.440.020)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(14.475.365.969)	(12.781.817.692)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	8.407.492.323.656	4.673.248.482.896
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(8.398.991.492.916)	(4.699.492.344.357)
Tăng tiền thuần trong năm	20	1.153.039.661.333	(597.502.205.928)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	3.079.468.867.120	3.676.971.073.048
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	3.079.468.867.120	3.676.971.073.048
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	2.658.148.303.510	3.624.388.650.402
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	420.477.813.704	25.495.811.279
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	842.749.906	27.086.611.367

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023_Mẫu B03b - CTCK
(Phương pháp gián tiếp)

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **2023**

	Mã số	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	4.232.508.528.453	3.079.468.867.120
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	4.232.508.528.453	3.079.468.867.120
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	4.030.799.136.248	2.658.148.303.510
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	192.365.811.559	420.477.813.704
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	9.343.580.646	842.749.906

Ngày 21 tháng 2 năm 2024

Người lập:

Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:

Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023_Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
	1/1/2022	1/1/2023	Năm 2022		Năm 2023		31/12/2022	31/12/2023
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.675.521.133.200	3.805.177.668.400	1.129.656.535.200	-	570.768.750.000	-	3.805.177.668.400	4.375.946.418.400
1.1. Cổ phiếu phổ thông	2.676.183.240.000	3.805.931.180.000	1.129.747.940.000	-	570.768.750.000	-	3.805.931.180.000	4.376.699.930.000
1.2. Cổ phiếu quỹ	(662.106.800)	(753.511.600)	(91.404.800)	-	-	-	(753.511.600)	(753.511.600)
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	69.328.039.314	69.328.039.314	-	-	-	69.328.039.314	69.328.039.314	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	69.318.055.214	69.318.055.214	-	-	-	44.801.290.686	69.318.055.214	24.516.764.528
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.625.982.305	1.625.982.305	-	-	-	-	1.625.982.305	1.625.982.305
8. Lợi nhuận chưa phân phối	595.752.698.075	539.582.702.224	521.595.918.656	577.765.914.507	588.351.523.498	491.826.892.361	539.582.702.224	636.107.333.361
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	590.397.020.344	541.617.289.913	521.595.918.656	570.375.649.087	564.294.148.250	487.491.759.194	541.617.289.913	618.419.678.969
8.2. Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	5.355.677.731	(2.034.587.689)	-	7.390.265.420	24.057.375.248	4.335.133.167	(2.034.587.689)	17.687.654.392
TỔNG CỘNG	3.411.545.908.108	4.485.032.447.457	1.651.252.453.856	577.765.914.507	1.159.120.273.498	605.956.222.361	4.485.032.447.457	5.038.196.498.594

Ngày 21 tháng 2 năm 2024

Người lập:

Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:

Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần chứng khoán MB (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 112/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106393583 đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 6 tháng 1 năm 2023 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 9 tháng 12 năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 11 tháng 10 năm 2023. Cổ phiếu của Công ty được chính thức đăng ký giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 16 tháng 3 năm 2016.

(b) Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 4.376.699.930.000 VND (31/12/2022: 3.805.931.180.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 615 nhân viên (31/12/2022: 649 nhân viên).

(e) Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại tầng tầng 7 và 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng. (31/12/2022: Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng).

(f) Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính. Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cốt lõi cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

(g) Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC (“Thông tư 121”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Thông tư 121 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

- Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
- Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%; và
- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 của Thông tư 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 của Thông tư 121 tối đa trong thời hạn 01 năm.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, trừ các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (Thuyết minh 3(c)) và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (Thuyết minh 3(f)). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay và phải thu từ hoạt động cho vay: Xem Thuyết minh 3(e);
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(f).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ tài sản tài chính này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ tài sản tài chính này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản tài chính này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Công ty đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một “sự kiện tổn thất” đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các tài sản tài chính kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Trong trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại mục “Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính”.

(c) Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các chứng khoán cơ sở là tài sản đảm bảo cho các chứng quyền mua có bảo đảm, được phân loại và ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Mọi khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

(d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Các tài sản tài chính sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu, hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng suy giảm giá trị của khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục “*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*”.

(f) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động và “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” trên báo cáo tình hình tài chính.

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các tài sản tài chính này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính sẵn sàng để bán bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”. Các khoản dự phòng suy giảm giá trị các

tài sản tài chính sẵn sàng để bán phát sinh trước ngày có hiệu lực của Thông tư 210 sẽ ghi giảm dần vào báo cáo kết quả hoạt động khi các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được thanh lý.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các khoản đầu tư, khoản phải thu khoản đầu tư đến hạn, các khoản cam kết mua và bán lại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết... Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên rủi ro thuần đã loại trừ giá trị tài sản đảm bảo theo các tỷ lệ dự phòng dưới đây:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	<u>100%</u>

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị 3 – 6 năm
- Phương tiện vận chuyển 6 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định vô hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Phần mềm máy vi tính 2 – 5 năm

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

(i) Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý trên khoản mục “Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán”.

Các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền”. Khoản chênh lệch chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm do đánh giá lại chứng quyền”.

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

(ii) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã sử dụng hết quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và một phần nguồn quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ để phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 27).

(m) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mức trích lập hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông của Công ty quyết định và được ghi nhận trên khoản mục Nợ phải trả của Công ty.

(o) Doanh thu và thu nhập

(i) Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ VSD (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

(iii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thường, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu lãi cho vay hoạt động margin được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo nguyên tắc dồn tích. Doanh thu tiền lãi hoạt động cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(iv) Thu nhập từ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm

Thu nhập từ mua chứng quyền có bảo đảm trong năm được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá mua và giá vốn bình quân của chứng quyền.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có bảo đảm đáo hạn ở trạng thái có lãi được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chứng quyền và mức chênh giữa giá thanh toán và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm đáo hạn.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có bảo đảm đáo hạn ở trạng thái lỗ hoặc hòa vốn bằng giá trị ghi sổ của các chứng quyền tương ứng.

(v) Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(vi) Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng, thường được tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành thành công. Các khoản doanh thu này được ghi nhận căn cứ theo thỏa thuận/biên bản thanh lý với Tổ chức phát hành chứng khoán.

(vii) Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(viii) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(ix) Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và Thu nhập khác.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng và do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 và Thông tư 334 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	571.249.283.464	194.935.879.341
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	(ii)	989.973.830.991	2.611.393.334.800
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(ii)	2.322.623.532.176	1.623.292.939.025
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(ii)	327.320.000.000	595.320.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	(ii)	1.143.592.675.080	1.172.766.982.585
Các khoản cho vay	(iii)	9.218.483.030.175	3.759.499.832.736
Các khoản phải thu	(iii)	231.545.521.630	160.510.533.957
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(iii)	8.185.032.933	12.529.942.656
Các khoản phải thu khác	(iii)	6.141.214.423	3.520.822.211
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	15.090.000.000	15.090.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	1.370.526.750	2.251.002.180
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.150.580.580	10.130.180.734
		14.865.725.228.202	10.181.241.450.225

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - VSD) về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán ("Quyết định 45"), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSD về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 4 tháng 8 năm 2017 của VSD về sửa đổi quyết định 97 ("Quyết định 145"), và Quyết định số 115/QĐ-VSD ngày 9 tháng 9 năm 2022 của VSD về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam ("Quyết

định 115”) thay thế Quyết định 97 và Quyết định 145, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSD và hàng tháng VSD sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền	Trong vòng	Trong vòng
	VND	theo hợp đồng	1 năm	2-5 năm
		VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	9.598.508.546.852	9.756.281.602.261	9.756.281.602.261	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.556.093.607	14.556.093.607	14.556.093.607	-
Phải trả người bán ngắn hạn	16.250.539.155	16.250.539.155	16.250.539.155	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	98.478.625.384	98.478.625.384	98.478.625.384	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	406.191.111.111	524.856.813.151	29.628.800.000	495.228.013.151
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.828.606.935	4.828.606.935	4.828.606.935	-
	10.138.813.523.044	10.415.252.280.493	9.920.024.267.342	495.228.013.151

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền	Trong vòng
	VND	theo hợp đồng	1 năm
	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	5.431.701.897.490	5.491.707.675.902	5.491.707.675.902
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12.125.853.104	12.125.853.104	12.125.853.104
Phải trả người bán ngắn hạn	30.976.908.715	30.976.908.715	30.976.908.715
Chi phí phải trả ngắn hạn	137.362.882.393	137.362.882.393	137.362.882.393
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	371.977.777.780	382.968.032.877	382.968.032.877
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	23.961.919.090	23.961.919.090	23.961.919.090
	6.008.107.238.572	6.079.103.272.081	6.079.103.272.081

(*) Dòng tiền theo hợp đồng của các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành dài hạn không bao gồm dòng tiền từ dự thu lãi phải trả đến ngày kết thúc kỳ báo cáo liên quan tới các hợp đồng vay và phát hành trái phiếu, do khoản này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	571.249.283.464	194.935.879.341
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	989.973.830.991	2.611.393.334.800
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.322.623.532.176	1.623.292.939.025
Các khoản cho vay	9.218.483.030.175	3.759.499.832.736
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	1.143.592.675.080	1.172.766.982.585
Tài sản tài chính dài hạn		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	327.320.000.000	595.320.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
	14.593.242.351.886	9.977.208.968.487
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	9.598.508.546.852	5.431.701.897.490
Trái phiếu phát hành dài hạn	406.191.111.111	371.977.777.780
	10.004.699.657.963	5.803.679.675.270

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, mỗi thay đổi 1% lãi suất sẽ làm tăng 5.899.212.512 VND lợi nhuận sau thuế của Công ty (31/12/2022: 6.406.313.638 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu là 48.629.197.276 VND (31/12/2022: 107.537.306 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 1% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với tất cả các biến số khác không thay đổi có thể làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty tương ứng 389.033.578 VND (31/12/2022: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 1%, tương ứng 860.298 VND).

5. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Môi giới và dịch vụ khách hàng, tự doanh, ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Mã số	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	01	1.300.776.088.825	471.450.235.798	17.213.525.000	36.953.669.426	1.826.393.519.049
Các chi phí trực tiếp	02	(499.247.018.321)	(64.209.521.447)	(8.106.558.117)	(419.311.614)	(571.982.409.499)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	03	(383.357.337.511)	(138.943.134.578)	(5.073.072.276)	(10.890.775.472)	(538.264.319.837)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế (04 = 01 + 02 + 03)	04	418.171.732.993	268.297.579.773	4.033.894.607	25.643.582.340	716.146.789.713

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Ngân hàng đầu tư	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	9.226.668.063.108	5.152.567.932.026	327.320.000.000	22.601.741.173	14.729.157.736.307
Tài sản phân bổ	492.843.878.663	178.625.179.847	6.521.937.557	14.001.172.014	691.992.168.081
	9.719.511.941.771	5.331.193.111.873	333.841.937.557	36.602.913.187	15.421.149.904.388
Nợ phải trả bộ phận	14.556.093.607	18.421.541.155	-	-	32.977.634.762
Nợ phải trả phân bổ	7.302.968.684.734	2.646.870.847.352	96.642.177.781	207.469.596.745	10.253.951.306.612
	7.317.524.778.341	2.665.292.388.507	96.642.177.781	207.469.596.745	10.286.928.941.374

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Ngân hàng đầu tư	Các bộ phận khác	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	01	1.508.808.368.216	349.759.541.221	36.015.349.781	83.050.623.735	1.977.633.882.953
Các chi phí trực tiếp	02	(559.550.294.754)	(136.749.930.919)	(27.449.138.773)	(2.234.264.631)	(725.983.629.077)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	03	(450.957.372.460)	(104.537.227.539)	(10.764.380.585)	(24.822.430.634)	(591.081.411.218)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế (04 = 01 + 02 + 03)	04	498.300.701.002	108.472.382.763	(2.198.169.577)	55.993.928.470	660.568.842.658

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Ngân hàng đầu tư	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	3.775.550.597.603	6.418.771.895.947	-	17.341.002.180	10.211.663.495.730
Tài sản phân bổ	395.601.492.559	91.705.082.937	9.443.032.282	21.775.429.802	518.525.037.580
	4.171.152.090.162	6.510.476.978.884	9.443.032.282	39.116.431.982	10.730.188.533.310
Nợ phải trả bộ phận	9.843.917.213	35.599.846.606	-	-	45.443.763.819
Nợ phải trả phân bổ	4.662.221.503.826	1.080.757.827.568	111.287.517.854	256.626.628.033	6.110.893.477.281
	4.672.065.421.039	1.116.357.674.174	111.287.517.854	256.626.628.033	6.156.337.241.100

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	441.249.283.464	24.935.879.341
Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	170.000.000.000
	571.249.283.464	194.935.879.341

7. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2023		Năm 2022	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	154.984.100	10.588.836.080.000	548.852.153	16.545.440.494.990
<i>Cổ phiếu</i>	57.713.300	1.507.128.190.000	44.804.053	1.511.791.088.990
<i>Trái phiếu</i>	86.085.000	9.066.453.384.000	141.840.000	14.737.914.920.000
<i>Chứng khoán khác</i>	11.185.800	15.254.506.000	362.208.100	295.734.486.000
Của Nhà đầu tư	23.077.706.086	467.119.343.936.034	20.372.752.897	455.983.832.336.253
<i>Cổ phiếu</i>	22.467.735.080	426.862.872.799.822	19.508.502.795	452.332.269.118.180
<i>Trái phiếu</i>	34.060.768	39.689.112.596.722	27.289.331	2.916.793.330.785
<i>Chứng khoán khác</i>	575.910.238	567.358.539.490	836.960.771	734.769.887.288
		477.708.180.016.034		472.529.272.831.243

8. Các loại tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá trị thị trường/			Giá trị thị trường/		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết	46.392.093.894	48.629.197.276	48.629.197.276	148.079.571	107.537.306	107.537.306
ACB	24.156.821.999	26.290.000.000	26.290.000.000	1.146.329	1.095.000	1.095.000
VRE	5.828.260.000	5.838.980.000	5.838.980.000	-	-	-
CTG	5.904.810.995	5.962.000.000	5.962.000.000	-	-	-
VIB	4.201.875.057	4.312.000.000	4.312.000.000	-	-	-
VNM	5.890.078.750	5.840.640.000	5.840.640.000	5.744.739	5.783.600	5.783.600
Cổ phiếu niêm yết khác	410.247.093	385.577.276	385.577.276	141.188.503	100.658.706	100.658.706
Trái phiếu niêm yết	510.146.000.000	510.146.000.000	510.146.000.000	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	479.827.830.991	479.827.830.991	479.827.830.991	2.611.393.334.800	2.611.393.334.800	2.611.393.334.800
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	76.536.759.982	84.324.000.000	84.324.000.000	-	-	-
	1.112.902.684.867	1.122.927.028.267	1.122.927.028.267	2.611.541.414.371	2.611.500.872.106	2.611.500.872.106

Trong đó, chứng khoán sử dụng làm tài sản đảm bảo cho chứng quyền có giá gốc và giá trị hợp lý như sau:

	31/12/2023			31/12/2022		
	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
VNM	436.578.750	432.640.000	432.640.000	5.744.739	5.783.600	5.783.600
VHM	216.397.824	228.960.000	228.960.000	-	-	-
STB	50.535.000	50.310.000	50.310.000	-	-	-
MWG	16.637.778	17.120.000	17.120.000	4.305.192	3.217.500	3.217.500
VRE	13.760.000	13.980.000	13.980.000	-	-	-
VPB	5.810.000	5.760.000	5.760.000	1.503.634	895.000	895.000
TCB	3.085.000	3.180.000	3.180.000	-	-	-
FPT	2.747.445	2.883.000	2.883.000	5.543.741	5.613.700	5.613.700
HPG	2.720.000	2.795.000	2.795.000	2.193.881	1.656.000	1.656.000
PNJ	-	-	-	2.609.130	2.697.000	2.697.000
KDH	-	-	-	2.512.698	2.385.000	2.385.000
HDB	-	-	-	1.287.107	1.196.250	1.196.250
ACB	-	-	-	1.146.329	1.095.000	1.095.000
MSN	-	-	-	1.113.840	930.000	930.000
	748.271.797	757.628.000	757.628.000	27.960.291	25.469.050	25.469.050

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	1.656.623.532.176	981.292.939.025
• Chứng chỉ tiền gửi	666.000.000.000	642.000.000.000
	<u>2.322.623.532.176</u>	<u>1.623.292.939.025</u>
Dài hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	327.320.000.000	595.320.000.000
	<u>2.649.943.532.176</u>	<u>2.218.612.939.025</u>

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	8.519.473.810.403	(*)	3.494.189.786.432	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	699.009.219.772	(*)	265.310.046.304	(*)
	<u>9.218.483.030.175</u>		<u>3.759.499.832.736</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(d) Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng suy giảm giá trị	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	117.975.345.153	(**)	82.554.833.496	35.420.511.657
Trái phiếu chưa niêm yết	1.037.177.490.180	1.037.177.490.180	-	1.037.177.490.180
Chứng chỉ tiền gửi	106.415.184.900	106.415.184.900	-	106.415.184.900
	1.261.568.020.233		82.554.833.496	1.179.013.186.737

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng suy giảm giá trị	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	117.975.345.153	(**)	82.583.086.500	35.392.258.653
Trái phiếu chưa niêm yết	1.172.766.982.585	1.172.766.982.585	-	1.172.766.982.585
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	100.000.000.000	99.238.588.121	-	99.238.588.121
	1.390.742.327.738		82.583.086.500	1.307.397.829.359

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

(**) Tài sản tài chính này là chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(e) Tình hình biến động giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023			Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý VND
	Giá mua	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	46.392.093.894	2.336.960.595	(99.857.213)	48.629.197.276
Trái phiếu niêm yết	510.146.000.000	-	-	510.146.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	479.827.830.991	-	-	479.827.830.991
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	76.536.759.982	7.787.240.018	-	84.324.000.000
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.037.177.490.180	-	-	1.037.177.490.180
Chứng chỉ tiền gửi	106.415.184.900	-	-	106.415.184.900
Tổng cộng	2.256.495.359.947	10.124.200.613	(99.857.213)	2.266.519.703.347

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

	31/12/2022			Giá trị đánh giá lại VND
	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	148.079.571	9.061.094	(49.603.359)	107.537.306
Chứng chỉ tiền gửi	2.611.393.334.800	-	-	2.611.393.334.800
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	1.172.766.982.585	-	-	1.172.766.982.585
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	100.000.000.000	-	(761.411.879)	99.238.588.121
	3.884.308.396.956	9.061.094	(811.015.238)	3.883.506.442.812

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

(f) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2023			31/12/2022		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng suy giảm giá trị	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng suy giảm giá trị
	Đơn vị	VND	VND	Đơn vị	VND	VND
Tài sản tài chính AFS						
Cổ phiếu chưa niêm yết						
<i>CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước</i>	1.710.000	46.768.500.000	(28.899.000.000)	1.710.000	46.768.500.000	(29.668.500.000)
<i>TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam</i>	2.500.000	30.000.000.000	(16.750.000.000)	2.500.000	30.000.000.000	(21.250.000.000)
<i>CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi</i>	894.705	26.214.856.500	(26.214.856.500)	894.705	26.214.856.500	(22.636.036.500)
<i>CTCP công nghiệp cao su COECCO</i>	492.000	7.380.000.000	(4.182.000.000)	492.000	7.380.000.000	(4.428.000.000)
<i>Công ty cổ phần Viet Lotus</i>	457.300	4.573.000.000	(3.508.976.996)	457.300	4.573.000.000	(1.600.550.000)
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết khác</i>	301.512	3.038.988.653	(3.000.000.000)	301.512	3.038.988.653	(3.000.000.000)
		117.975.345.153	(82.554.833.496)		117.975.345.153	(82.583.086.500)

9. Các khoản phải thu

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	18.938.175.105	64.711.196.146
<i>Phải thu cổ tức</i>	164.044.000	133.407.000
<i>Phải thu lãi cho vay margin</i>	18.774.131.105	64.577.789.146
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	212.607.346.525	95.799.337.811
<i>Dự thu lãi trái phiếu</i>	78.772.936.410	24.177.423.886
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	133.834.410.115	71.621.913.925
	231.545.521.630	160.510.533.957

10. Trả trước cho người bán

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học và Công nghệ - MITEC	3.587.892.000	4.211.467.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	1.983.680.000	8.205.065.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Bằng Hữu	-	11.383.630.800
Các công ty khác	1.672.683.581	14.216.825.278
	7.244.255.581	38.016.988.078

11. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	7.961.500.000	11.809.780.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	112.034.535	55.111.764
Phải thu dịch vụ khác	111.498.398	665.050.785
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	-	107
	8.185.032.933	12.529.942.656

12. Các khoản phải thu khác

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phí quản lý tài sản chứng khoán phái sinh	121.384.763	-
Treo phí giao dịch	5.133.758.873	1.777.055.340
Phải thu khác	886.070.787	1.743.766.871
	6.141.214.423	3.520.822.211

13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu.

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Dự phòng phải thu các dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp	5.928.988.212	6.217.644.025
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi	7.522.528.484	-
Dự phòng phải thu khác	18.114.228	18.114.228
	13.469.630.924	6.235.758.253

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.235.758.253	4.100.898.228
Trích lập dự phòng trong năm	7.460.872.671	2.134.860.025
Xử lý khoản phải thu tổn thất bằng nguồn dự phòng trong năm	(227.000.000)	-
Số dư cuối năm	13.469.630.924	6.235.758.253

14. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	20.182.800	403.503.721
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	12.528.628	66.427.253
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.960.439	-
Chi phí trả trước khác	1.809.320.922	13.847.465.699
	1.848.992.789	14.317.396.673

15. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Đặt cọc khác	15.090.000.000	15.090.000.000

16. Tài sản cố định hữu hình

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	230.543.287.308	5.673.570.635	8.799.818.883	245.016.676.826
Mua trong năm	64.580.388.121	-	323.972.000	64.904.360.121
Thanh lý	(429.847.330)	(586.092.000)	(92.303.328)	(1.108.242.658)
Số dư cuối năm	294.693.828.099	5.087.478.635	9.031.487.555	308.812.794.289
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	100.175.293.058	3.281.522.524	6.122.075.205	109.578.890.787
Khấu hao trong năm	35.501.717.977	726.911.444	1.667.292.876	37.895.922.297
Thanh lý	(429.847.330)	(565.924.696)	(78.914.430)	(1.074.686.456)
Số dư cuối năm	135.247.163.705	3.442.509.272	7.710.453.651	146.400.126.628
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	130.367.994.250	2.392.048.111	2.677.743.678	135.437.786.039
Số dư cuối năm	159.446.664.394	1.644.969.363	1.321.033.904	162.412.667.661

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 64.010.289.252 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2022: 50.007.868.189 VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	150.273.753.763	7.134.006.999	6.163.631.315	163.571.392.077
Mua trong năm	147.082.452.428	3.497.875.636	4.710.994.368	155.291.322.432
Giảm khác	(66.812.918.883)	(4.958.312.000)	(2.074.806.800)	(73.846.037.683)
Số dư cuối năm	230.543.287.308	5.673.570.635	8.799.818.883	245.016.676.826
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	73.271.741.429	5.082.652.903	4.459.876.595	82.814.270.927
Khấu hao trong năm	32.639.251.546	3.031.303.656	1.664.340.435	37.334.895.637
Giảm khác	(5.735.699.917)	(4.832.434.035)	(2.141.825)	(10.570.275.777)
Số dư cuối năm	100.175.293.058	3.281.522.524	6.122.075.205	109.578.890.787
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	77.002.012.334	2.051.354.096	1.703.754.720	80.757.121.150
Số dư cuối năm	130.367.994.250	2.392.048.111	2.677.743.678	135.437.786.039

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	97.212.152.066	64.740.748.537
Tăng trong năm	8.185.500.000	67.310.150.161
Thanh lý	(195.050.000)	(34.838.746.632)
Số dư cuối năm	105.202.602.066	97.212.152.066
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	41.250.365.364	23.765.546.970
Khấu hao trong năm	19.773.047.466	17.506.624.604
Thanh lý	(195.050.000)	(21.806.210)
Số dư cuối năm	60.828.362.830	41.250.365.364
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	55.961.786.702	40.975.201.567
Số dư cuối năm	44.374.239.236	55.961.786.702

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 23.119.804.361 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2022: 12.640.503.221 VND).

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Chi phí thuê nhà dài hạn	46.838.905.596	50.852.795.424
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	16.209.968.721	13.338.722.000
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	4.919.386.188	5.763.521.540
Chi phí đồng phục dài hạn	1.602.341.317	53.919.272
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.088.972.317	12.554.072.241
Chi phí trả trước không phân bổ định kỳ dài hạn	-	45.375.000
	76.659.574.139	82.608.405.477

19. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSD.

Theo Quyết định 45, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	17.956.433.957
Tiền nộp thêm trong năm	-	2.043.566.043
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

20. Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định 97, Quyết định 145 và Quyết định 115, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSD và hàng tháng VSD sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.130.180.734	10.109.941.596
Lãi trong năm	20.399.846	20.239.138
Số dư cuối năm	10.150.580.580	10.130.180.734

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2023	Biến động trong năm		31/12/2023
	Giá trị ghi sổ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng (*)				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	250.000.000.000	2.550.000.000.000	1.970.000.000.000	830.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	500.000.000.000	1.692.000.000.000	1.395.000.000.000	797.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	350.000.000.000	2.170.000.000.000	1.920.000.000.000	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	490.000.000.000	-	490.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	484.638.700.000	-	484.638.700.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	350.000.000.000	1.000.000.000.000	900.000.000.000	450.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	200.000.000.000	600.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng Công Nghiệp Hàn Quốc	-	500.000.000.000	150.000.000.000	350.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	-	1.150.000.000.000	850.000.000.000	300.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	-	393.000.000.000	100.000.000.000	293.000.000.000
Ngân hàng SinoPac	-	241.900.000.000	-	241.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	883.389.116.600	653.389.116.600	230.000.000.000
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	510.607.000.000	303.000.000.000	207.607.000.000
Ngân Hàng Ngoại Hối Hàn Quốc - Chi nhánh Hà Nội	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	194.000.000.000	-	194.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	691.000.000.000	498.000.000.000	193.000.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023_Mẫu B09 - CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	-	200.000.000.000	50.000.000.000	150.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	-	650.000.000.000	500.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng Daegu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	240.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	440.000.000.000	320.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng Công thương Trung Quốc	-	400.000.000.000	300.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam - CN Hà Nội	140.000.000.000	-	140.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Dubai	158.900.000.000	-	158.900.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	-	459.000.000.000	459.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc Dân Việt Nam	-	290.000.000.000	290.000.000.000	-
Ngân hàng KB Kookmin - Chi nhánh Hồng Kông	232.750.000.000	-	232.750.000.000	-
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Hồng Kông	-	234.800.000.000	234.800.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega	232.470.000.000	-	232.470.000.000	-
Ngân hàng Union Bank of Taiwan	1.166.050.000.000	-	1.166.050.000.000	-
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (**)	1.851.531.897.490	35.569.345.686.283	34.723.514.736.921	2.697.362.846.852
	5.431.701.897.490	52.233.680.502.883	48.066.873.853.521	9.598.508.546.852

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 2,4%/năm đến 6,5%/năm (năm 2022: 1,2%/năm đến 8%/năm) cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng.

(**) Các khoản vay ngắn hạn các đối tượng khác là các khoản vay ngắn hạn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế thông qua hợp đồng vay tài sản có thời hạn từ 1 đến 6 tháng với lãi suất từ 2,0%/năm đến 9,5%/năm (năm 2022: 3,2%/năm đến 9%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, các khoản vay nêu trên không có tài sản đảm bảo.

22. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	12.614.087.776	9.929.147.312
Phải trả VSD	1.725.977.831	2.196.705.792
Phải trả chứng quyền	216.028.000	-
	14.556.093.607	12.125.853.104

23. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả hoa hồng dịch vụ phát triển kinh doanh	6.117.224.218	30.976.908.715
Phải trả nhà cung cấp khác	10.133.314.937	-
	16.250.539.155	30.976.908.715

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	179.119.059	228.202.561
Thuế TNDN	50.662.586.190	62.333.710.343
Thuế thu nhập cá nhân	25.681.797.442	31.074.482.482
Các loại thuế khác	189.380.983	411.929.330
	76.712.883.674	94.048.324.716

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	1/1/2023		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	228.202.561	2.813.362.926	2.862.446.428	-	179.119.059
Thuế TNDN	-	62.333.710.343	141.032.750.459	152.703.874.612	-	50.662.586.190
Thuế thu nhập cá nhân	508.217.215	31.074.482.482	327.237.980.270	332.139.977.317	17.529.222	25.681.797.442
Các loại thuế khác	-	411.929.330	6.373.922.918	6.596.471.265	-	189.380.983
	508.217.215	94.048.324.716	477.458.016.573	494.302.769.622	17.529.222	76.712.883.674

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	1/1/2022		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
	VND	VND			VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	899.094.667	6.742.758.120	7.413.650.226	-	228.202.561
Thuế TNDN	-	35.020.813.563	148.210.755.777	120.897.858.997	-	62.333.710.343
Thuế thu nhập cá nhân	-	50.294.221.229	401.511.395.583	421.239.351.545	508.217.215	31.074.482.482
Các loại thuế khác	35.468.399	117.697.075	6.603.624.685	6.273.924.031	-	411.929.330
	35.468.399	86.331.826.534	563.068.534.165	555.824.784.799	508.217.215	94.048.324.716

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	1.781.070.688	28.875.195.622
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	8.970.692.056	14.131.474.462
Dự trả lãi vay các khách hàng cá nhân và tổ chức khác	32.056.714.648	31.763.339.314
Chi phí phải trả khác	55.670.147.992	62.592.872.995
	98.478.625.384	137.362.882.393

26. Trái phiếu phát hành dài hạn

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2023	31/12/2022
				VND	VND
2022	Lô 2	7,200%	2023	-	200.000.000.000
2022	Lô 1	7,200%	2023	-	172.000.000.000
2023	Lô 1	7,600%	2027	156.300.000.000	-
2023	Lô 2	7,100%	2027	250.000.000.000	-
Chi phí phát hành				(108.888.889)	(22.222.220)
Trái phiếu phát hành dài hạn				406.191.111.111	371.977.777.780

27. Vốn chủ sở hữu

(a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	2.676.183.240.000	(662.106.800)	69.328.039.314	69.318.055.214	1.625.982.305	595.752.698.075	3.411.545.908.108
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	514.205.653.236	514.205.653.236
Phát hành cổ phiếu	594.580.930.000	-	-	-	-	-	594.580.930.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	(91.404.800)	-	-	-	-	(91.404.800)
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	535.167.010.000	-	-	-	-	(535.167.010.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.208.639.087)	(35.208.639.087)
Số dư tại ngày 31/12/2022	3.805.931.180.000	(753.511.600)	69.328.039.314	69.318.055.214	1.625.982.305	539.582.702.224	4.485.032.447.457
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	584.016.390.331	584.016.390.331
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	570.768.750.000	-	(69.328.039.314)	(44.801.290.686)	-	(456.639.420.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(30.852.339.194)	(30.852.339.194)
Số dư tại ngày 31/12/2023	4.376.699.930.000	(753.511.600)	-	24.516.764.528	1.625.982.305	636.107.333.361	5.038.196.498.594

(*) Ngày 11 tháng 8 năm 2023, Công ty đã kết thúc việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 141/BC-MBS ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Công ty và văn bản số 6032/UBCK-QLKD ngày 5 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần chứng khoán MB, số lượng cổ phiếu đã phân phối là 57.076.875 cổ phiếu. Theo đó, tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2023 là 437.669.993 cổ phiếu. Ảnh hưởng của sự kiện này đối với lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày tại Thuyết minh 43.

(b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	618.419.678.969	541.617.289.913
Lợi nhuận chưa thực hiện	17.687.654.392	(2.034.587.689)
	<u>636.107.333.361</u>	<u>539.582.702.224</u>

(c) Cổ phiếu

	31/12/2023	31/12/2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	<u>437.669.993</u>	<u>380.593.118</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	437.669.993	380.593.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	437.669.993	380.593.118
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>437.669.993</u>	<u>380.593.118</u>
Số lượng cổ phiếu quỹ	(30.441)	(30.441)
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	(30.441)	(30.441)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>(30.441)</u>	<u>(30.441)</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	437.639.552	380.562.677
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>437.639.552</u>	<u>380.562.677</u>

28. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tài chính

(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	<u>9.883.660.000</u>	<u>9.883.660.000</u>

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Nợ khó đòi từ các hợp đồng có cam kết mua bán lại	42.037.522.648	42.349.055.085
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính niêm yết	146.141.148.243	147.128.725.268
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính khác	168.499.244.421	169.893.530.194
Nợ khó đòi đã xử lý khác	179.578.419.106	184.227.469.549
	<u>536.256.334.418</u>	<u>543.598.780.096</u>

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Ngoại tệ bằng JPY		
<i>Nguyên tệ</i>	868	780
<i>Giá trị quy đổi</i>	137.147	142.233
Ngoại tệ bằng USD		
<i>Nguyên tệ</i>	88	-
<i>Giá trị quy đổi</i>	2.148.960	-

(d) Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán

	31/12/2023	31/12/2022
	Mệnh giá	Mệnh giá
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	528.405.960.000	64.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	13.063.050.000	13.063.050.000
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	14.000.000	120.000
	541.483.010.000	13.127.170.000

(e) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	60.545.580.000	60.545.580.000

(f) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch VSD của nhà đầu tư

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	23.569.969.732.000	23.812.915.010.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	356.113.530.000	805.763.860.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	13.126.990.692.000	8.906.599.130.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	4.497.203.630.000	3.188.513.920.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	842.524.150.000	444.969.820.000
	42.392.801.734.000	37.158.761.740.000

(g) Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	305.770.770.000	61.335.830.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	114.804.020.000	250.311.780.000
	420.574.790.000	311.647.610.000

(h) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	1.057.546.880.000	354.302.850.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư nước ngoài	130.000.000	7.000.000
	1.057.676.880.000	354.309.850.000

(i) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư

	31/12/2023	31/12/2022
	Số lượng	Số lượng
	chứng khoán	chứng khoán
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư trong nước	858.240.000	858.240.000

(j) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	3.897.146.498.014	2.383.039.436.763
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>3.727.723.023.205</i>	<i>2.305.747.369.083</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>54.344.057.111</i>	<i>22.689.163.106</i>
<i>Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư để theo dõi tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư</i>	<i>115.079.417.698</i>	<i>54.602.904.574</i>
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	133.652.638.234	275.108.866.747
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	192.365.811.559	420.477.813.704
	4.223.164.947.807	3.078.626.117.214

(k) Tiền gửi của Tổ chức phát hành

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	9.218.062.364	30.676.364
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	125.518.282	812.073.542
	9.343.580.646	842.749.906

(l) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	4.169.044.841.594	3.057.773.916.524
<i>Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	54.120.106.213	20.852.200.690
	4.223.164.947.807	3.078.626.117.214

(m) Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	9.202.476.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.953.000	10.953.000
Công ty CP du lịch Kim Liên	488.085	488.085
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	4.145.279	19.235.279
	9.218.062.364	30.676.364

(n) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	125.518.282	812.073.542

29. Lãi từ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		389.433.357.600	373.222.200.034	16.211.157.566
ACB	2.903.700	68.104.465.000	63.934.310.916	4.170.154.084
SSI	1.128.100	35.366.010.000	32.938.052.160	2.427.957.840
VND	1.781.200	36.682.565.000	35.016.039.414	1.666.525.586
VIB	1.381.300	29.170.555.000	28.048.834.943	1.121.720.057
DXG	1.565.200	28.741.545.000	27.888.135.000	853.410.000
Cổ phiếu niêm yết khác	6.990.712	191.368.217.600	185.396.827.601	5.971.389.999
Chứng chỉ tiền gửi	572.177.881	75.898.880.495.456	75.810.844.395.859	88.036.099.597
Trái phiếu niêm yết		579.241.060.000	574.685.053.334	4.556.006.666
TD2338135	500.000	52.285.000.000	50.463.100.000	1.821.900.000
TD2338134	500.000	56.277.000.000	54.763.166.667	1.513.833.333
TD2333120	1.500.000	146.504.500.000	145.302.666.667	1.201.833.333
TD2131014	1.000.000	102.399.000.000	102.393.000.000	6.000.000
Trái phiếu niêm yết khác	2.180.000	221.775.560.000	221.763.120.000	12.440.000
Trái phiếu chưa niêm yết		1.751.131.921.606	1.731.937.864.062	19.194.057.544
BIDH2230002	4.000.000	391.844.000.000	386.957.452.055	4.886.547.945
TENCH2225003	300	32.263.972.603	29.922.739.699	2.341.232.904
TENCH2226004	300	32.501.095.890	30.000.000.000	2.501.095.890
TENCH2227005	200	21.805.479.452	20.000.000.000	1.805.479.452
TENCH2228006	200	21.874.520.548	20.000.000.000	1.874.520.548
Trái phiếu chưa niêm yết khác	1.117.072	1.250.842.853.113	1.245.057.672.308	5.785.180.805

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Chứng quyền có bảo đảm		3.184.358.000	3.512.875.856	592.503.383
Đáo hạn chứng quyền CSTB2301	249.000	-	-	179.593.635
Đáo hạn chứng quyền CVRE2301	70.100	-	-	48.403.388
Đáo hạn chứng quyền CVPB2301	71.400	-	-	35.224.783
Đáo hạn chứng quyền CTCB2301	12.700	-	-	763.721
Mua chứng quyền CSTB2301	460.100	600.939.000	709.672.449	108.733.449
Mua chứng quyền CHPG2304	383.600	491.512.000	570.823.197	79.311.197
Mua chứng quyền CVPB2302	716.400	1.156.178.000	1.232.041.235	75.863.235
Mua chứng quyền CVRE2301	519.700	438.475.000	464.745.753	26.270.753
Mua chứng quyền CVHM2319	152.400	118.158.000	135.241.794	17.083.794
Lãi mua một số chứng quyền khác	308.000	379.096.000	400.351.428	21.255.428
Chứng chỉ quỹ	1.839.370	25.244.536.993	23.463.240.018	1.781.296.975
		78.647.115.729.655	78.517.665.629.163	130.371.121.731

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		254.371.100.050	241.389.221.259	12.981.878.791
FPT	794.900	83.256.670.000	78.016.313.170	5.240.356.830
MWG	163.800	21.895.510.000	19.625.643.623	2.269.866.377
POW	2.378.000	33.274.580.000	32.172.060.310	1.102.519.690
VPB	787.000	28.953.110.000	27.925.405.992	1.027.704.008
ACB	531.000	14.858.935.000	14.175.850.864	683.084.136
VRE	591.100	18.002.350.000	17.627.246.954	375.103.046
HPG	192.400	9.082.355.000	8.775.360.905	306.994.095
Cổ phiếu niêm yết khác	1.269.680	45.047.590.050	43.071.339.441	1.976.250.609
Chứng chỉ tiền gửi	965.077.067	108.534.315.148.752	108.511.436.297.635	22.878.851.117
Trái phiếu niêm yết		1.594.147.020.000	1.593.897.650.000	249.370.000
TD2131018	2.000.000	197.666.000.000	197.592.000.000	74.000.000
TD2030017	2.500.000	250.933.500.000	250.887.000.000	46.500.000
TD2131015	2.600.000	257.394.700.000	257.377.200.000	17.500.000
TD2030020	2.000.000	191.845.000.000	191.828.000.000	17.000.000
TD1934187	500.000	60.039.000.000	60.023.000.000	16.000.000
Trái phiếu niêm yết khác	6.490.000	636.268.820.000	636.190.450.000	78.370.000
Trái phiếu chưa niêm yết		2.259.120.909.330	2.203.513.748.347	55.607.160.983
TRUNGNAM SOLAR_BOND2020_03	7.412	796.444.606.176	756.080.543.768	40.364.062.408
NVLH2123010	3.207.225	335.477.071.022	328.812.282.610	6.664.788.412
TBLCH2122001	3.436.141	353.739.998.590	350.147.991.776	3.592.006.814
HPXH2122005	513.845	53.895.241.034	51.652.423.912	2.242.817.122
GBOND49-THANHPHOAQUA600B	5.000	501.972.602.740	500.941.818.071	1.030.784.669
Trái phiếu chưa niêm yết khác	1.888.792	217.591.389.768	215.878.688.210	1.712.701.558

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lãi bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Chứng quyền có bảo đảm		70.285.208.000	89.567.448.531	73.601.340.401
Đáo hạn chứng quyền CHPG2204	2.885.900	-	-	11.441.239.728
Đáo hạn chứng quyền CTCB2202	4.782.300	-	-	5.616.757.466
Đáo hạn chứng quyền CACB2101	2.801.300	-	-	3.803.322.456
Đáo hạn chứng quyền CSTB2203	3.478.700	-	-	3.738.189.080
Đáo hạn chứng quyền CVIC2110	3.989.200	-	-	3.572.647.323
Mua chứng quyền CSTB2203	9.159.500	8.305.619.000	10.422.754.964	2.117.135.964
Mua chứng quyền CPOW2203	19.029.200	7.447.171.000	9.546.710.281	2.099.539.281
Mua chứng quyền CVIC2110	5.086.100	3.446.339.000	5.431.375.429	1.985.036.429
Mua chứng quyền CFPT2202	6.097.300	10.326.333.000	11.942.076.691	1.615.743.691
Mua chứng quyền CVRE2202	7.765.600	3.613.615.000	4.889.688.289	1.276.073.289
Lãi mua một số chứng quyền khác	96.337.500	37.146.131.000	47.334.842.877	36.335.655.694
		112.712.239.386.132	112.639.804.365.772	165.318.601.292

30. Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		329.650.540.000	341.587.534.193	11.936.994.193
TCB	635.000	18.633.355.000	20.286.450.000	1.653.095.000
VND	1.746.100	34.954.825.000	36.097.985.586	1.143.160.586
SSI	1.172.000	35.539.640.000	36.645.087.840	1.105.447.840
HSG	811.000	15.515.640.000	16.420.040.696	904.400.696
VCG	662.200	14.909.105.000	15.769.145.000	860.040.000
Cổ phiếu niêm yết khác	6.786.200	210.097.975.000	216.368.825.071	6.270.850.071
Chứng chỉ tiền gửi	18.995.287	3.241.553.093.892	3.249.923.237.503	8.370.143.611
Trái phiếu niêm yết		3.698.374.560.000	3.703.488.526.666	5.113.966.666
TD2338135	4.500.000	452.089.500.000	453.947.900.000	1.858.400.000
TD2338134	1.000.000	107.973.000.000	109.526.333.333	1.553.333.333
TD2333120	11.510.000	1.127.140.510.000	1.128.500.143.333	1.359.633.333
TD2338131	3.500.000	429.355.000.000	429.484.500.000	129.500.000
TD1530287	1.700.000	235.980.400.000	236.053.500.000	73.100.000
Trái phiếu niêm yết khác	12.650.000	1.345.836.150.000	1.345.976.150.000	140.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết		173.983.642.321	178.767.757.545	4.784.115.224
BIDH2230002	1.000.000	95.412.000.000	98.840.000.000	3.428.000.000
VCPBOND2020-02	700.000	70.000.000.000	71.136.847.495	1.136.847.495
BECAMEX-BINHPHUOC	71	7.155.125.061	7.329.767.644	174.642.583
TRUNGNAMSOLAR_BOND2020_03	14	1.416.517.260	1.461.142.406	44.625.146

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Chứng quyền có bảo đảm		3.647.389.762	3.978.615.000	374.551.343
Đáo hạn chứng quyền CFPT2208	18.300	-	-	27.277.089
Đáo hạn chứng quyền CHPG2208	11.100	-	-	15.781.895
Đáo hạn chứng quyền CMWG2007	22.700	-	-	267.121
Mua chứng quyền CHPG2304	699.900	1.141.471.198	1.243.861.000	102.389.802
Mua chứng quyền CVPB2302	483.800	786.260.982	860.348.000	74.087.018
Mua chứng quyền CSTB2301	630.800	890.177.916	948.744.000	58.566.084
Mua chứng quyền CFPT2302	260.900	152.460.379	207.492.000	55.031.621
Mua chứng quyền CTCB2301	165.300	243.984.516	269.008.000	25.023.484
Lãi mua một số chứng quyền khác	477.100	433.034.771	449.162.000	16.127.229
		7.447.209.225.975	7.477.745.670.907	30.579.771.037

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Tổng giá vốn	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		529.637.447.024	596.401.530.506	66.764.083.482
HPG	3.124.300	105.582.480.000	117.085.829.954	11.503.349.954
STB	1.981.300	47.405.740.000	57.541.340.663	10.135.600.663
TCB	924.078	36.959.118.900	45.650.230.021	8.691.111.121
VHM	459.200	29.948.320.000	35.066.788.749	5.118.468.749
VIC	270.400	22.362.690.000	25.467.482.164	3.104.792.164
VRE	1.170.700	32.482.955.000	35.409.967.897	2.927.012.897
Cổ phiếu niêm yết khác	9.029.908	254.896.143.124	280.179.891.058	25.283.747.934
Chứng chỉ tiền gửi	100	100.945.479.500	100.957.644.200	12.164.700
Trái phiếu niêm yết		5.615.899.680.000	5.616.746.170.000	846.490.000
TD2141039	6.600.000	654.890.400.000	655.003.100.000	112.700.000
TD2136026	5.060.000	526.314.760.000	526.397.940.000	83.180.000
TD2030018	6.000.000	596.983.000.000	597.045.000.000	62.000.000
TD2030017	2.500.000	247.476.000.000	247.534.500.000	58.500.000
TD2035027	1.000.000	93.209.000.000	93.266.500.000	57.500.000
TD1929176	1.000.000	113.418.000.000	113.474.000.000	56.000.000
TD2035026	4.000.000	419.926.000.000	419.977.000.000	51.000.000
Trái phiếu niêm yết khác	28.270.000	2.963.682.520.000	2.964.048.130.000	365.610.000

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền	Lỗ bán chứng khoán trong năm
	Đơn vị	VND	VND	VND
Trái phiếu chưa niêm yết		1.457.568.451.504	1.473.422.017.684	15.853.566.180
NVLH2123010	4.563.008	473.962.166.574	479.500.720.653	5.538.554.079
VCPBOND2020-02	1.493.961	149.687.988.221	152.977.102.563	3.289.114.342
TRUNGNAMSOLAR_BOND2020_03	845	87.079.268.402	89.605.057.047	2.525.788.645
FLCH2122001	1.500.000	150.000.000.000	151.241.194.232	1.241.194.232
Trái phiếu chưa niêm yết khác	3.137.276	596.839.028.307	600.097.943.189	3.258.914.882
Chứng quyền có bảo đảm		57.200.207.000	51.603.016.255	8.362.419.582
Đáo hạn chứng quyền CFPT2202	872.200	-	-	2.361.806.272
Đáo hạn chứng quyền CMWG2114	201.400	-	-	403.422.565
Mua chứng quyền CFPT2202	7.696.700	18.979.535.000	17.343.999.381	1.635.535.619
Mua chứng quyền CMWG2114	1.994.900	3.726.085.000	2.725.859.134	1.000.225.866
Mua chứng quyền CHPG2204	3.357.800	6.727.668.000	6.247.650.781	480.017.219
Mua chứng quyền CPOW2203	6.710.600	4.531.509.000	4.057.079.021	474.429.979
Mua chứng quyền CVPB2111	1.802.300	3.197.813.000	2.956.291.214	241.521.786
Lỗ mua một số chứng quyền khác	28.645.000	20.037.597.000	18.272.136.724	1.765.460.276
		7.761.251.265.028	7.839.130.378.645	91.838.723.944

31. Chênh lệch từ đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các tài sản tài chính	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)							
Cổ phiếu niêm yết	46.392.093.894	48.629.197.276	2.237.103.382	(40.542.265)	2.277.645.647	2.327.899.501	(50.253.854)
ACB	24.156.821.999	26.290.000.000	2.133.178.001	(51.329)	2.133.229.330	2.133.178.001	51.329
VRE	5.828.260.000	5.838.980.000	10.720.000	-	10.720.000	10.720.000	-
CTG	5.904.810.995	5.962.000.000	57.189.005	-	57.189.005	57.189.005	-
VIB	4.201.875.057	4.312.000.000	110.124.943	-	110.124.943	110.124.943	-
VNM	5.890.078.750	5.840.640.000	(49.438.750)	38.861	(49.477.611)	(38.861)	(49.438.750)
Cổ phiếu niêm yết khác	410.247.093	385.577.276	(24.669.817)	(40.529.797)	15.859.980	16.726.413	(866.433)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	76.536.759.982	84.324.000.000	7.787.240.018	(761.411.879)	8.548.651.897	7.787.240.018	761.411.879
Chứng chỉ tiền gửi	479.827.830.991	479.827.830.991	-	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	510.146.000.000	510.146.000.000	-	-	-	-	-
	1.112.902.684.867	1.122.927.028.267	10.024.343.400	(801.954.144)	10.826.297.544	10.115.139.519	711.158.025

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các tài sản tài chính	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)							
Cổ phiếu niêm yết	148.079.571	107.537.306	(40.542.265)	1.099.654.212	(1.140.196.477)	(3.244.779.493)	2.104.583.016
ILB	21.686.135	17.365.200	(4.320.935)	301.515	(4.622.450)	(301.515)	(4.320.935)
VNM	5.744.739	5.783.600	38.861	(156.159.253)	156.198.114	38.861	156.159.253
FPT	5.543.741	5.613.700	69.959	(172.642.149)	172.712.108	69.959	172.642.149
SGC	4.504.500	4.641.000	136.500	(1.918.800)	2.055.300	136.500	1.918.800
SVC	5.175.573	4.518.800	(656.773)	3.247.000	(3.903.773)	(3.247.000)	(656.773)
VSC	4.807.763	4.491.800	(315.963)	(5.045.791)	4.729.828	-	4.729.828
ARM	3.241.000	4.200.000	959.000	959.000	-	-	-
MWG	5.255.420	3.861.000	(1.394.420)	10.651.726	(12.046.146)	(10.915.518)	(1.130.628)
HHC	1.899.917	3.675.000	1.775.083	1.249.800	525.283	525.283	-
PNJ	2.609.130	2.697.000	87.870	542.529	(454.659)	(454.659)	-
Cổ phiếu niêm yết khác	87.611.653	50.690.206	(36.921.447)	1.418.468.635	(1.455.390.082)	(3.230.631.404)	1.775.241.322
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	100.000.000.000	99.238.588.121	(761.411.879)	-	(761.411.879)	-	(761.411.879)
	100.148.079.571	99.346.125.427	(801.954.144)	1.099.654.212	(1.901.608.356)	(3.244.779.493)	1.343.171.137

Trong đó, chênh lệch đánh giá lại tài sản cơ sở từ hoạt động phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền như sau:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các tài sản tài chính	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
VNM	436.578.750	432.640.000	(3.938.750)	38.861	(3.977.611)	(38.861)	(3.938.750)
VHM	216.397.824	228.960.000	12.562.176	-	12.562.176	12.562.176	-
STB	50.535.000	50.310.000	(225.000)	-	(225.000)	-	(225.000)
VRE	13.760.000	13.980.000	220.000	-	220.000	220.000	-
MWG	16.637.778	17.120.000	482.222	(1.087.692)	1.569.914	482.222	1.087.692
VPB	5.810.000	5.760.000	(50.000)	(608.634)	558.634	-	558.634
TCB	3.085.000	3.180.000	95.000	-	95.000	95.000	-
HPG	2.720.000	2.795.000	75.000	(537.881)	612.881	75.000	537.881
FPT	2.747.445	2.883.000	135.555	69.959	65.596	65.596	-
	748.271.797	757.628.000	9.356.203	(2.125.387)	11.481.590	13.461.133	(1.979.543)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các tài sản tài chính	Giá gốc	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
ACB	1.146.329	1.095.000	(51.329)	1.220.252.488	(1.220.303.817)	(1.220.252.488)	(51.329)
FPT	5.543.741	5.613.700	69.959	(88.948.987)	89.018.946	69.959	88.948.987
HDB	1.287.107	1.196.250	(90.857)	-	(90.857)	-	(90.857)
HPG	2.193.881	1.656.000	(537.881)	(924.198)	386.317	-	386.317
KDH	2.512.698	2.385.000	(127.698)	828.309	(956.007)	(828.309)	(127.698)
MSN	1.113.840	930.000	(183.840)	630.242	(814.082)	(630.242)	(183.840)
MWG	4.305.192	3.217.500	(1.087.692)	(263.792)	(823.900)	-	(823.900)
PNJ	2.609.130	2.697.000	87.870	276.870	(189.000)	(189.000)	-
VNM	5.744.739	5.783.600	38.861	(147.877.623)	147.916.484	38.861	147.877.623
VPB	1.503.634	895.000	(608.634)	(1.069.613)	460.979	-	460.979
	27.960.291	25.469.050	(2.491.241)	982.903.696	(985.394.937)	(1.221.791.219)	236.396.282

Lãi/lỗ đánh giá lại chứng quyền của tổ chức phát hành:

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
CVNM2316	129.053.432	129.465.000	(411.568)	-	(411.568)	-
CVHM2319	54.747.725	63.327.000	(8.579.275)	-	(8.579.275)	-
CSTB2335	15.737.046	13.736.000	2.001.046	-	-	2.001.046
CVRE2321	3.617.231	3.304.000	313.231	-	-	313.231
CMWG2317	4.116.295	4.000.000	116.295	-	-	116.295
CVPB2320	1.592.231	1.395.000	197.231	-	-	197.231
CTCB2311	541.500	579.000	(37.500)	-	(37.500)	-
CHPG2340	216.000	222.000	(6.000)	-	(6.000)	-
	209.621.460	216.028.000	(6.406.540)	-	(9.034.343)	2.627.803

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng quyền của tổ chức phát hành	-	-	-	7.334.230.163	(7.335.226.791)	996.628
	-	-	-	7.334.230.163	(7.335.226.791)	996.628

32. Lãi/ (lỗ) từ các tài sản tài chính

(a) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Cổ tức	374.770.890	1.008.711.939
Thu nhập lãi từ tài sản tài chính FVTPL	-	70.475.027.2058
	374.770.890	71.483.739.144

(b) Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn	130.740.500.606	92.492.546.801
Thu nhập lãi chứng chỉ tiền gửi	50.054.794.531	29.454.060.268
	180.795.295.137	121.946.607.069

(c) Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	629.017.028.677	670.508.810.428
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	35.722.679.460	97.088.747.975
	664.739.708.137	767.597.558.403

(d) Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ cổ tức	2.090.553.055	1.590.600.000
Thu nhập lãi trái phiếu	144.805.790.950	-
Thu nhập lãi bán trái phiếu	2.894.936.713	-
	149.791.280.718	1.590.600.000

33. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	600.647.888.508	697.442.303.577
Doanh thu phí môi giới chứng khoán phái sinh	13.968.142.000	19.298.533.200
Doanh thu môi giới khác	-	32.540.805
	614.616.030.508	716.773.377.582

34. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.527.500.000	4.975.628.181
Doanh thu thu xếp phát hành trái phiếu	12.686.025.000	31.039.721.600
	17.213.525.000	36.015.349.781

35. Thu nhập hoạt động khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê sử dụng tài sản	1.409.404.049	1.629.229.842
Thu nhập phí chuyển nhượng	1.010.123.693	1.169.601.490
Doanh thu môi giới cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	15.952.797.751	49.980.899.927
Doanh thu dịch vụ khác	8.146.578.792	11.000.564.079
	26.518.904.285	63.780.295.338

36. Chi phí hoạt động tự doanh

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	7.963.011.803	10.830.556.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.026.959.417	1.805.925.087
Chi phí khác	14.642.788.709	31.548.190.785
	25.632.759.929	44.184.672.018

37. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	123.930.915.299	131.027.235.130
Chi phí tiền lương và các chi phí khác cho nhân viên	200.469.106.903	227.452.045.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.956.352.151	50.841.848.511
Chi phí lương kinh doanh cộng tác viên kinh doanh và các khoản chi khác	110.599.575.140	129.710.489.425
Chi phí sửa lỗi giao dịch, lỗi khác hoạt động môi giới	50.068.187	52.257.742
Phí thiết bị đầu cuối phân bổ cho hoạt động môi giới	-	29.792.876
	479.006.017.680	539.113.668.921

38. Chi phí hoạt động khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán	(61.655.812)	2.134.860.025
Dịch vụ mua ngoài	-	2.160.000
	(61.655.812)	2.137.020.025

39. Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	351.427.750.587	363.619.950.134
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	12.160.304.114	17.378.404.520
Chi phí hoa hồng phát hành trái phiếu và huy động vốn	6.180.437.916	12.222.671.769
	369.768.492.617	393.221.026.423

40. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi	69.343.773.419	73.079.276.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	3.532.321.500	3.487.433.129
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.242.538.538	2.686.004.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.109.251.766	24.893.914.821
Chi phí thuế, phí, lệ phí	57.872.506	193.497.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.561.244.006	40.033.165.339
Chi phí khác	29.604.130.423	43.130.186.043
	162.451.132.158	187.503.478.286

41. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ	4.044.176.036	9.091.724.705
Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	363.048.979	545.821
Thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	247.886.942	759.885.104
Thu nhập khác	936.764.535	2.159.763.276
	5.591.876.492	12.011.918.906

42. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	141.032.750.459	148.210.755.777
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(8.902.351.077)	(1.847.566.355)
	132.130.399.382	146.363.189.422

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	716.146.789.713	660.568.842.658
Điều chỉnh cho các khoản		
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.383.738.344	73.819.470.191
Thu nhập từ cổ tức	(2.465.323.945)	(2.599.311.939)
Sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(60.478.507.209)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	660.586.696.903	731.789.000.910
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	132.117.339.382	146.357.800.182
Dự phòng thiếu trong những năm trước	13.060.000	5.389.240
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	132.130.399.382	146.363.189.422

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

43. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2022
		(Điều chỉnh lại)	(Theo báo cáo trước đây)
	VND	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	584.016.390.331	514.205.653.236	514.205.653.236
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(35.040.983.420)</u>	<u>(30.852.339.194)</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	548.975.406.911	483.353.314.042	514.205.653.236

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty ước tính rằng số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ hiện hành bằng 6% lợi nhuận sau thuế năm 2023.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm 2023	Năm 2022 (Điều chỉnh lại)	Năm 2022 (Theo báo cáo trước đây)
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	380.562.677	267.590.641	267.590.641
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	57.076.875	103.679.680	76.404.827
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu quỹ		(2.101)	(2.101)
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu bằng tiền	-	13.357.709	13.357.709
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	<u>437.639.552</u>	<u>384.625.929</u>	<u>357.351.076</u>

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022 (Điều chỉnh lại)	Năm 2022 (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>1.254</u>	<u>1.257</u>	<u>1.439</u>

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan

Ngân hàng TMCP Quân đội
 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội
 Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas
 Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội
 Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei
 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
 Công ty có cùng Ngân hàng mẹ

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, và giá trị các giao dịch trong cho ngày 31 tháng 12 năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
	Phải thu/ (Phải trả)	
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Tiền gửi thanh toán	423.778.302.158	15.678.353.563
Tiền gửi có kỳ hạn	942.320.000.000	1.120.320.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	53.880.051.717	28.516.818.833
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	1.347.587.784.445	551.936.667.389
Phải thu phí quản lý tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng	91.132.325	91.132.326

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
	Phải thu/ (Phải trả)	
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội		
Đặt cọc thuê văn phòng	909.270.500	909.270.500
Phải trả chi phí tiền điện và thuê văn phòng	-	(12.605.683)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
Phải thu tiền bảo hiểm sức khỏe		2.510.825
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	16.532.040	-

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
	Thu nhập/ (Chi phí)	
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	58.983.428.818	65.819.405.173
Thu nhập phí quản lý cổ đông	450.000.000	850.000.000
Thu nhập quản lý tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng	15.952.797.751	49.980.835.867
Thu nhập cho thuê văn phòng	923.967.931	761.071.844
Thu nhập phí giao dịch	183.587.400	48.608.312
Thu nhập phí tư vấn trái phiếu	-	1.500.000.000
Thu nhập phí đại lý Lưu ký và thanh toán trái phiếu Mcredit	-	54.000.000
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội		
Chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(18.839.015.005)	(25.214.791.637)
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei		
Thu nhập phí đại lý lưu ký và thanh toán trái phiếu	-	27.272.724
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Thu nhập phí dịch vụ lưu ký, phí duy trì tài khoản và phí chuyển khoản giao dịch chứng khoán	74.203.884	950.167.521
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	(439.000.000)
Chi phí lãi tiền gửi	-	(7.898.066)
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
<i>(Công ty con của Ngân hàng mẹ)</i>		
Chi phí bảo hiểm sức khoẻ và bảo hiểm xe	(1.028.165.457)	(1.990.496.995)

Thù lao và tiền lương của người quản lý chủ chốt

Thành viên hội đồng quản trị

Thù lao	1.924.000.000	2.004.000.000
Ông Lê Viết Hải – Chủ tịch	780.000.000	780.000.000
Ông Phan Phương Anh – Phó chủ tịch	280.000.000	143.142.857
Ông Vũ Thành Trung – Phó chủ tịch	104.000.000	312.000.000
Ông Phạm Thế Anh – Thành viên HĐQT độc lập	240.000.000	-
Bà Trần Thị Kim Thanh – Thành viên HĐQT độc lập	160.000.000	480.000.000
Bà Nguyễn Minh Hằng – Thành viên	216.000.000	216.000.000
Ông Phạm Xuân Thanh – Thành viên	144.000.000	-

Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban điều hành

Tiền lương	9.375.568.000	8.403.419.565
------------	---------------	---------------

Ban Kiểm Soát

Tiền lương	1.368.000.000	1.340.000.000
------------	---------------	---------------

45. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Đến 1 năm	24.734.229.014	28.759.161.649
Từ 1 đến 5 năm	20.993.486.402	35.705.698.458
	45.727.715.416	64.464.860.107

46. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đối với các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan đối với các khoản mục trên.

47. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

48. Phê duyệt báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 21 tháng 2 năm 2024.

Ngày 21 tháng 2 năm 2024

Người lập:

Tạ Duy Chung
Kế toán tổng hợp

Người kiểm soát:

Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Ngân
Giám đốc tài chính

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc